

**CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
ĐỒNG THÀNH**

-----oOo-----

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP
GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

DỰ ÁN:

**“TRANG TRẠI CHĂN NUÔI HEO NÁI
ĐỒNG THÀNH 2, QUY MÔ 2.400 CON
HEO NÁI SINH SẢN”**

Địa điểm: ấp Tà Thiết, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

BÌNH PHƯỚC, 2022

**CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
ĐỒNG THÀNH**

-----oOo-----

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP
GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

DỰ ÁN:

**“TRANG TRẠI CHĂN NUÔI HEO NÁI
ĐỒNG THÀNH 2, QUY MÔ 2.400 CON
HEO NÁI SINH SẢN”**

**Địa điểm: ấp Tà Thiết, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình
Phước**

**CHỦ DỰ ÁN
CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU
TƯ XÂY DỰNG ĐỒNG THÀNH
Giám đốc**



**ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ MÔI
TRƯỜNG BLUE GALAXY
Giám đốc**



BÌNH PHƯỚC, 2022

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
DANH MỤC HÌNH.....	5
Chương I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	7
1. Tên chủ dự án:	7
2. Tên dự án đầu tư:	7
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở.....	7
3.1. Công suất của dự án đầu tư	7
3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư	8
3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư.....	10
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở	10
4.1. Nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng	10
4.2. Nguồn cung cấp điện	16
4.3. Nguồn cung cấp nước.....	16
5. Các hạng mục công trình của cơ sở.....	16
5.1. Các hạng mục công trình chính	18
5.2. Các hạng mục công trình phụ trợ	19
Chương II.....	21
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	21
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	21
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường	21
Chương III	22
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP.....	22
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	22
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	22
1.1. Thu gom, thoát nước mưa	22
1.2. Xử lý nước thải	23

1.2.3. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải 200m ³ /ngày.đêm	24
1.2.4. Quy trình vận hành:	28
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	31
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	35
3.1. Đối với chất thải rắn sinh hoạt.....	35
3.2. Đối với chất thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi của Trang trại	36
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	39
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	41
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	42
6.1. Biện pháp phòng chống sự cố cháy nổ	42
6.2. Hệ thống chống sét	48
6.3. Vệ sinh và an toàn lao động	48
6.4. Đối với chương trình vệ sinh phòng dịch.....	49
6.5. Phòng ngừa và ứng phó với sự cố hóa chất.....	51
6.6. Phòng ngừa sự cố từ hầm biogas và hệ thống xử lý nước thải.....	52
7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.....	53
Chương IV	56
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	56
Chương V	59
KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN	59
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án.....	59
1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm nước thải	59
1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải.....	59
2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật.....	61
2.1. Chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn vận hành (khi dự án đi vào vận hành thương mại).....	61
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải (không có).	62
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.....	62

Chương VI	63
CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	63

DANH MỤC CÁC TỪ, KÍ HIỆU VIẾT TẮT

HT XLNT	: Hệ thống xử lý nước thải
CTR	: Chất thải rắn
CTNH	: Chất thải nguy hại
PCCC	: Phòng cháy chữa cháy
TP.HCM	: Thành Phố Hồ Chí Minh
QĐ-UBND	: Quyết định Ủy Ban Nhân Dân
BTNMT	: Bộ Tài Nguyên Môi Trường
BNNPTNT	: Bộ Nông Nghiệp Phát Triển Nông Thôn
QCVN	: Qui chuẩn kĩ thuật quốc gia
TCVN	: Tiêu chuẩn Việt Nam
BTCT	: Bê tông cốt thép
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
ND-CP	: Nghị định chính phủ

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1. Sơ đồ công nghệ nuôi heo	9
Hình 3.1. Sơ đồ thu gom nước mưa chảy tràn tại khu vực văn phòng.....	22
Hình 3.2. Sơ đồ thu gom nước mưa chảy tràn khu vực Trang trại.....	22
Hình 3.3. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn có ngăn lọc	23
Hình 3.4. Sơ đồ hệ thống xử lý nước thải của Trang trại	25
Hình 3.5. Thiết bị lọc tay áo	32
Hình 3.6. Nhà kho chứa rác thải sinh hoạt	36
Hình 3.7. Sơ đồ xử lý phân heo	37
Hình 3.8. Quy trình xử lý xác heo chết không do dịch bệnh bằng hầm hủy xác	38
Hình 3.9. Thùng chứa rác thải nguy hại	41
Hình 3.10. Nhà đặt máy phát điện.....	42
Hình 3.11. Các thiết bị phòng cháy chữa cháy của dự án	43
Hình 3.12. Sơ đồ quy trình tiêm phòng và tẩy ký sinh trùng	50

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Nhu cầu nguyên liệu của Dự án	10
Bảng 1.2. Hóa chất phục vụ Dự án.....	11
Bảng 1.3. Nhu cầu sử dụng nước tại Trang trại (Không tính lượng nước sử dụng PCCC)	12
Bảng 1.4. Danh mục máy móc, thiết bị của dự án.....	14
Bảng 1.5. Các hạng mục công trình đã xây dựng.....	16
Bảng 3.1. Các bể tự hoại của Trang trại	29
Bảng 3.2. Danh mục các hạng mục công trình XLNT đã xây lắp.....	30
Bảng 3.3. Chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình chăn nuôi	39
Bảng 3.4. Quy trình tiêm phòng và tẩy ký sinh trùng cho heo nái mang thai.....	50
Bảng 3.5. Quy trình tiêm phòng và tẩy ký sinh trùng cho heo con từ 1-12 tuần tuổi ...	50
Bảng 3.6 Các công trình bảo vệ môi trường được điều chỉnh, thay đổi so với ĐTM...	53
Bảng 4.1. Tải lượng các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt (chưa qua xử lý)	56
Bảng 4.2. Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt.....	57
Bảng 4.3. Tải lượng các chất ô nhiễm của nước thải chăn nuôi heo.....	58
Bảng 5.1. Thời gian dự kiến lấy mẫu nước giai đoạn vận hành thử nghiệm	60
Bảng 5.2 Chương trình quan trắc trong giai đoạn vận hành đề xuất trong báo cáo ĐTM	61
Bảng 5.3. Dự toán kinh phí giám sát môi trường	62

Chương I

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ dự án: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐỒNG THÀNH

- Địa chỉ văn phòng: 229 QL14, ấp 4, xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Ông Nguyễn Bá Chuyên
- Điện thoại: 0616.522.228 Email: xddongthanh@gmail.com
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 3603288714-001 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp thay đổi lần thứ 1 ngày 03/01/2019.

2. Tên dự án đầu tư: Trang trại chăn nuôi heo nái Đồng Thành 2, quy mô 2.400 con heo nái sinh sản.

- Địa điểm thực hiện dự án: tại Ấp Tà Thiết, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.
- Quyết định số 1949/QĐ-UBND ngày 09/08/2017 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “*Trang trại chăn nuôi heo nái Đồng Thành 2, quy mô 2.400 con heo nái sinh sản*” tại ấp Tà Thiết, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước do Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đồng Thành làm chủ đầu tư.
- Quy mô của dự án (phân loại theo tiêu chí qui định của pháp luật về đầu tư công): Dự án thuộc nhóm B với mức vốn đầu tư 60.000.000.000 VNĐ (Sáu mươi tỷ đồng)

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

3.1. Công suất của dự án đầu tư

Công suất thiết kế: 2.400 con heo nái sinh sản.

Trang trại chăn nuôi thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với công suất trung bình (Theo Nghị định 13/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật chăn nuôi thì quy mô 2.400 con heo nái sinh sản tương đương với 480 đơn vị vật nuôi) nằm trong khoảng từ 100 đến dưới 1.000 đơn vị vật nuôi trở lên quy định tại Cột 4 Phụ lục II Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư

Đây là khu trang trại chăn nuôi được áp dụng công nghệ tiên tiến, do vậy quy trình công nghệ chăn nuôi heo phải đảm bảo các yếu tố sau:

- Áp dụng công nghệ mới xây dựng trại nuôi heo và chuồng heo kín đạt tiêu chuẩn bảo vệ môi trường nhằm giảm mức sử dụng nước;
- Quy trình chăn nuôi phải được quản lý chặt chẽ bao gồm quản lý giống, quản lý phòng trị bệnh và sức khỏe heo, quản lý dinh dưỡng và thức ăn, quản lý nhân lực, quản lý tài chính...;
- Chuồng trại chăn nuôi phải thiết kế hiện đại, sạch sẽ và thoáng mát.

Do đó công nghệ chăn nuôi của dự án như sau:

1) Chuồng nuôi

- Dự án sử dụng hệ thống công nghệ chuồng trại theo công nghệ tiên tiến trên thế giới như: nuôi trong ô lồng chuồng riêng biệt, vòi nước uống tự động...
- Chuồng nuôi các loại heo là chuồng kín, thông gió cưỡng bức, làm hạ nhiệt độ trong trại (cao nhất là 28°C) bằng công nghệ đoạn nhiệt. Riêng chuồng heo đẻ phải cấp thêm đèn úm cho heo con.

2) Công nghệ làm mát

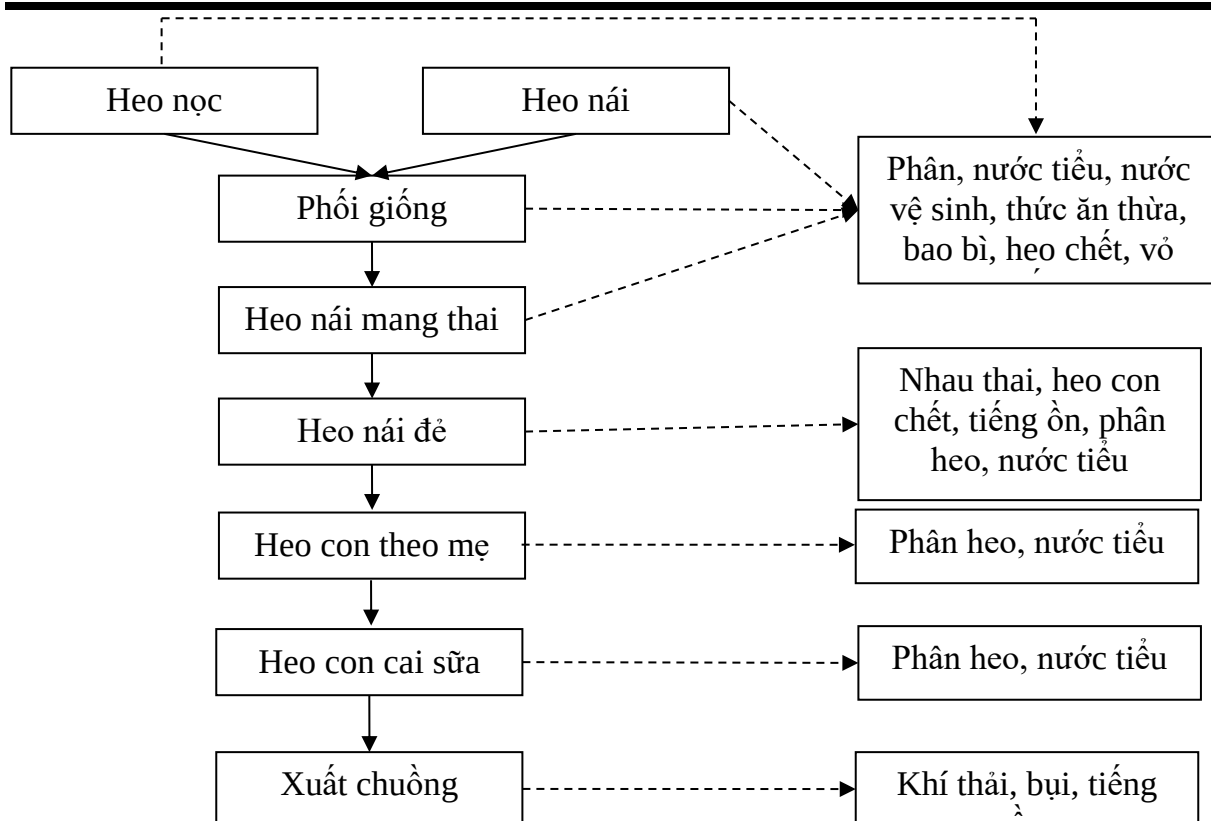
- Sử dụng các tấm giấy tổ ong có nước để cấp hơi nước cho luồng gió vào trại.
- Khi hệ thống thông gió cưỡng bức bị hỏng, phải mở các cửa sổ để cho thông gió tự nhiên trong thời gian sửa chữa hệ thống gió cưỡng bức.

3) Công nghệ cung cấp thức ăn tự động

Thức ăn rời được cung cấp vào các xi lô bằng xe tải chuyên dùng.

Thức ăn từ xi lô theo đường ống cung cấp đến từng máng ăn theo định lượng định sẵn cho từng loại heo.

Quy trình công nghệ nuôi heo của dự án được trình bày ở hình sau:



Hình 1.1. Sơ đồ công nghệ nuôi heo

❖ **Mô tả quy trình công nghệ:**

Số heo cái giống sinh sản ban đầu được cấp từ trại giống của các công ty chăn nuôi chuyên nghiệp và được Công ty CP Chăn Nuôi C.P Việt Nam kiểm tra trước khi cho nhập trại. Chúng được nuôi cho đến thời gian động dục thì được cho phối giống. Heo nái sau phối giống nếu thành công sẽ mang thai khoảng 105-115 ngày, trước ngày sinh một tuần chúng được chuyển lên trại nái đẻ, tại đây heo được chăm sóc cẩn thận để chờ sanh.

Sau khi sanh, heo con được nuôi chung với heo mẹ trong lồng ấm để ngăn ngừa heo con bị bệnh viêm hô hấp, sau thời gian 20-30 ngày, heo mẹ được chuyển sang trại khác, heo con được chuyển sang trại cai sữa. Tiếp theo heo nái chữa khác sẽ được chuyển tới và quy trình này được tái lập như trên.

Heo con chuyển xuống trại cai sữa (trại cách ly) sẽ được nuôi khoảng 20-30 ngày, thức ăn chính là bột bắp và nước. Sau thời gian này, số heo đạt chất lượng sẽ được Công ty chọn lọc làm nguồn heo nái giống (sau 4 năm thải bỏ heo nái một lần nên việc chọn lọc và giữ lại heo con không thường xuyên diễn ra), số heo còn lại sẽ được xuất chuồng bán cho các trại chăn nuôi để nuôi thành heo thịt thương phẩm. Chuồng heo sau khi được sát trùng sẽ tiếp nhận heo sữa từ trại nái đẻ và quy trình này được tái lập như trên.

3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư

Sản phẩm của dự án là heo con cai sữa, với quy mô 2.400 con heo nái sinh sản, trung bình mỗi tháng xuất chuồng 4.600 heo con cai sữa cung cấp cho các trang trại chăn nuôi heo hậu bị trong khu vực.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

4.1. Nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng

a/ Nhu cầu nguyên liệu

Nguồn thức ăn chính cho heo là cám tổng hợp do công ty Cổ phần C.P cung cấp theo tiêu chuẩn của quy trình chăn nuôi. Nguồn thức ăn được phối trộn và đóng gói sẵn theo từng bao, chủ đầu tư chỉ nhập về và sử dụng trực tiếp cho heo. Ngoài cám tổng hợp, sẽ phối trộn thêm một số nguyên liệu trong quá trình cho vật nuôi ăn.

Ước tính nhu cầu dùng thức ăn cho heo như sau:

Đối với heo nái: 2,5-3kg/con/ngày

Bảng 1.1. Nhu cầu nguyên liệu của Dự án

STT	Nguyên liệu	Đơn vị	Số lượng	Nguồn cung cấp
1.	Cám tổng hợp	Tấn/ngày	7,2	Công ty TNHH Cổ phần chăn nuôi C.P Việt Nam
2.	Nguyên liệu phối trộn với cám tổng hợp	Tấn/ngày	7,0	Công ty TNHH Cổ phần chăn nuôi C.P Việt Nam
	Bột bắp	Tấn/ngày	3,5	-
	Bột cá	Tấn/ngày	3,5	-
Tổng cộng		Tấn/ngày	14,2	-

Nguồn: Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đồng Thành, 2022

b/ Nhu cầu nhiên liệu

Đối với dự án, nhiên liệu được sử dụng là dầu DO chạy máy phát điện với tổng lượng nhiên liệu tiêu thụ khoảng 3.000kg DO/năm (Dầu DO chỉ mua dự trữ để chạy theo từng đợt, không mua về một lần để trữ trong trang trại).

c/ Nhu cầu hóa chất

Đối với hoạt động của Dự án, hóa chất được sử dụng chủ yếu là các loại thuốc được sử dụng để phòng chữa bệnh cho heo, được cung cấp bởi Công ty TNHH Chăn nuôi C.P Việt Nam. Chúng loại và số lượng được liệt kê trong bảng sau:

Bảng 1.2. Hóa chất phục vụ Dự án

STT	Nguyên liệu	Nguồn cung cấp	Đơn vị	Số lượng
01	Kháng sinh	C.P	Liều/năm	8.200
02	Vaccin ngừa dịch tả	C.P	Liều/năm	8.200
03	Vaccin ngừa lở mồm long móng	C.P	Liều/năm	8.200
04	Thuốc thú y – vitamin	C.P	Liều/năm	41.000
05	Mycoplasma	C.P	Liều/năm	8.200
06	SFV (dịch tả)	C.P	Liều/năm	8.200
07	Chế phẩm EM	-	Kg/năm	5.000
08	Vôi bột	-	Kg/ngày	100
09	Cloramin B (thuốc khử trùng)	-	Lít/ngày	120

Nguồn: Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đồng Thành, 2022

d/ Nhu cầu sử dụng nước

Nguồn cấp nước: Khu vực dự án chưa có hệ thống đường ống cấp nước thủy cục nên nguồn cấp nước dự án là nước ngầm. Sử dụng nước từ 04 giếng khoan G1, G2, G3, G4 (trong đó 02 giếng khoan khai thác, 02 giếng dự phòng) với lưu lượng G1 là 86 m³/ngày.đêm; lưu lượng G2 là 86 m³/ngày.đêm. Tổng lưu lượng nước khai thác G1, G2 là 172 m³/ngày.đêm.

Nhu cầu sử dụng nước của Dự án bao gồm: nước được sử dụng cho mục đích sản xuất, chăn nuôi, sinh hoạt và phòng cháy chữa cháy.

Theo TS. Trần Duy Khanh, tiêu chuẩn cấp nước cho trang trại như sau:

- + Nước uống cho heo nái không chữa: 10 lít/con/ngày;
- + Nước tắm rửa cho heo, rửa chuồng trại, tắm đàn: 50 lít/con/ngày;

- + Nước uống của heo con cai sữa: 1,5 lít/con/ngày
- + Nước uống của heo nọc: 10 lít/con/ngày
- + Nước uống của heo con theo mẹ: 0,4-0,6 lít/con/ngày
- + Nước cấp cho sinh hoạt: 120 lít/người/ngày;
- Nước sát trùng cho công nhân (3 lần/ngày):
 $5 \text{ lít/người/lần} \times 40 \text{ người} \times 3 \text{ lần} = 0,6 \text{ m}^3/\text{ngày};$
- Nước sát trùng cho xe:
 $50 \text{ lít/xe} \times 4 \text{ xe} = 200 \text{ lít/ngày} = 0,2 \text{ m}^3/\text{ngày}$
- Sinh hoạt của cán bộ nhân viên:
 $40 \text{ người} \times 120 \text{ l/người.ngày} = 4,8 \text{ m}^3/\text{ngày};$
- Nước cho nhu cầu nhà bếp phục vụ cho 40 người và 01 bữa ăn/ngày:
 $40 \text{ người} \times 20 \text{ lít/người/1 bữa ăn} \times 1 \text{ bữa ăn/ngày} = 800 \text{ lít/ngày} = 0,8 \text{ m}^3/\text{ngày}$
- Nhu cầu nước cho quá trình chăm sóc cây xanh ước tính: Tổng diện tích cây xanh cho cả dự án là 21.780,4 m². Chỉ tiêu cấp nước cho hoạt động tưới tiêu của cả dự án cho một lần tưới là 0,5 lít/m²/ngày (Theo bảng 3.3-Tiêu chuẩn TCXDVN 33:2006).

$$Q_t = 0,5 \text{ lít/m}^2/\text{ngày} \times 21.780,4 \text{ m}^2 = 10.890,2 \text{ lít/ngày} = 10,9 \text{ m}^3/\text{ngày}.$$

– Nước sử dụng PCCC: Trong quá trình hoạt động, việc xảy ra sự cố cháy nổ là điều có thể xảy ra. Do đó cần tính toán lượng nước dùng để sử dụng khi có sự cố cháy nổ. Theo tiêu chuẩn TCVN-2622:1995 thì lượng nước cần cấp cho công tác phòng cháy chữa cháy là 2,5 l/s/hạng nước chữa cháy. Khu trại sử dụng 2 hạng cứu hỏa. Lượng nước dùng cho hoạt động chữa cháy được tính cho 1 đám cháy trong 3h liên tục là:

+ Nước sát trùng cho công nhân: 5 lít/người/lần.

$$W_{cc} = 2 \times 2,5 \text{ lít/giây/đám cháy} \times 3 \text{ giờ} \times 3.600 \text{ giây/1.000} = 54 \text{ m}^3$$

Dự án sử dụng nước giếng khoan công nghiệp để tự túc nhu cầu cấp nước của dự án (04 giếng khoan). Nước từ giếng khoan được đưa vào bể nước ngầm, bơm lên tháp nước để tạo áp lực trước khi dẫn đến các hạng mục của dự án.

Bảng 1.3. Nhu cầu sử dụng nước tại Trang trại (Không tính lượng nước sử dụng PCCC)

STT	Mục đích sử dụng nước	Đơn vị tính	Số lượng	Lượng nước cấp
1	Nước tắm cho heo, rửa chuồng trại, tắm đàn	m ³ /ngày	2.430 con	121,5
2	Nước uống cho heo nái	m ³ /ngày	2.400 con	24

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Trang trại chăn nuôi heo nái Đồng Thành 2, quy mô 2.400 con heo nái sinh sản”

STT	Mục đích sử dụng nước	Đơn vị tính	Số lượng	Lượng nước cấp
3	Nước uống cho heo nọc	m ³ /ngày	30 con	0,3
4	Nước uống cho heo con cai sữa	m ³ /ngày	4.600 con	6,9
5	Nước uống cho heo con theo mẹ	m ³ /ngày	3.600 con	1,8
6	Nước khử trùng tại các hố và khu vực khử trùng	m ³ /ngày	-	0,8
7	Nước cho nhu cầu nhà bếp	m ³ /ngày	40 người	0,8
8	Nước sinh hoạt + ăn uống của công nhân	m ³ /ngày	40 người	4,8
9	Nước tưới cây	m ³ /ngày	-	10,9
Tổng		m ³ /ngày		171,8

(Nguồn: Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đồng Thành, 2021)

Lượng lao động trực tiếp của trại là 40 người thì lượng nước thải sinh hoạt của trại ước tính khoảng 4,8m³/ngày (tiêu chuẩn cấp nước 120 lít/người.ngày, công nhân ở lại tại nhà ở công nhân).

Tổng lượng nước cấp của dự án cho hoạt động chăn nuôi có phát sinh nước thải ở trại vào khoảng: 154,5 m³/ngày. Lượng nước thải ra tương ứng chiếm 100% lượng nước cấp cho các hoạt động này, tương đương 154,5 m³/ngày.

→ Tổng lượng nước thải phát sinh là 4,8 + 154,5 = 159,3 m³/ngày.

e/ Nhu cầu sử dụng điện

Nhu cầu sử dụng điện: điện chiếu sáng công trình, điện chiếu sáng toàn khu và hệ thống điện động lực ước tính khoảng 10.000 KW/tháng. Nguồn điện này được lấy từ hệ thống điện dọc theo đường Thác Trời có công suất là 22KVA.

Ngoài ra, dự án còn sử dụng nguồn điện dự phòng là một máy phát điện có công suất 10KVA, máy này được sử dụng khi có sự cố mất điện, trong thời gian nguồn điện có sự cố để đảm bảo có nguồn điện liên tục. Khi dự án đi vào hoạt động ổn định, Công ty sẽ sử dụng khí từ hệ thống Biogas để chạy máy phát điện.

f/ Nhu cầu lao động

Tổng số lao động của Dự án khoảng 40 người và được bố trí như sau:

➤ Bộ phận gián tiếp: 5 người:

+ Phụ trách trại: 01 người.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Trang trại chăn nuôi heo nái Đồng Thành 2, quy mô 2.400 con heo nái sinh sản”

- + Kỹ thuật trại: 04 người.
- Bộ phận trực tiếp sản xuất: 35 người.
- + Công nhân trực tiếp: 30 người.
- + Nhà bếp, vệ sinh: 01 người.
- + Bảo vệ: 04 người.

g/ Danh mục máy móc, thiết bị

Để phục vụ cho hoạt động chăn nuôi heo của trang trại, các loại máy móc thiết bị phục vụ cho dự án được liệt kê trong danh mục ở bảng sau:

Bảng 1.4. Danh mục máy móc, thiết bị của dự án

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật	Số lượng	ĐVT	Xuất xứ	Tình trạng
<i>I</i>	<i>Chuồng mang thai</i>					
1	Dụng cụ lắp đặt trong chuồng	-	04	Bộ	Thái Lan	Mới 100%
2	Quạt hút 48”		8	Bộ	VN	Mới 100%
3	Tấm làm mát	0,15×0,3×1,8	4	Bộ	Thái Lan	Mới 100%
4	Bơm nước	0,5Hp	04	Cái	VN	Mới 100%
5	Hệ thống điện	-	04	Bộ	VN	Mới 100%
6	Ô mang thai 1 vách		2.092	Bộ	Thái Lan	Mới 100%
7	Ô mang thai 2 vách		64	Bộ	Thái Lan	Mới 100%
8	Ô chuồng nọc 1 vách		20	Bộ	Thái Lan	Mới 100%
9	Ô chuồng nọc 2 vách		8	Bộ	Thái Lan	Mới 100%
<i>II</i>	<i>Chuồng nái đẻ</i>					
1	Dụng cụ lắp đặt trong chuồng		06	Bộ	Thái Lan	Mới 100%

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Trang trại chăn nuôi heo nái Đồng Thành 2, quy mô 2.400 con heo nái sinh sản”

2	Quạt hút 48’’	-	12	Bộ	VN	Mới 100%
3	Tấm làm mát	0,15×0,3×1,8	06	Bộ	Thái Lan	Mới 100%
4	Bơm nước	0,5Hp	08	Cái	VN	Mới 100%
5	Hệ thống điện	-	04	Bộ	VN	Mới 100%
6	Chuồng heo nái đẻ 1 vách		28	Bộ	Thái Lan	Mới 100%
7	Chuồng heo nái đẻ 2 vách		-	Bộ	Thái Lan	Mới 100%
8	Lồng úm cho heo con		30	Bộ	Thái Lan	Mới 100%
9	Máng tập ăn cho heo con		-	Bộ	Thái Lan	Mới 100%
<i>III</i>	<i>Nhà cách ly</i>					
1	Quạt hút 36’’	-	4	Bộ	VN	Mới 100%
2	Tấm làm mát	0,15×0,3×1,8	2	Bộ	Thái Lan	Mới 100%
3	Máng ăn tự động	80 kg	02	Bộ	Thái Lan	Mới 100%
4	Bơm nước	0,5Hp	02	Cái	VN	Mới 100%
5	Hệ thống điện	-	02	Bộ	VN	Mới 100%
<i>IV</i>	<i>Nhà heo nọc</i>					
1	Quạt hút 36’’	-	02	Bộ	VN	Mới 100%
2	Tấm làm mát	0,15×0,3×1,8	1	Bộ	Thái Lan	Mới 100%
3	Bơm nước	0,5Hp	01	Cái	VN	Mới 100%
4	Hệ thống điện	-	01	Bộ	VN	Mới 100%
5	Máy phát điện	10KVA	01	Cái	VN	Mới 100%
<i>V</i>	<i>Silo cám</i>	-	8	<i>Cái</i>	<i>VN</i>	<i>Mới 100%</i>

Chủ dự án: Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đồng Thành

Vị trí thực hiện: Ấp Tà Thiết, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

Nguồn: Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đồng Thành, 2022

4.2. Nguồn cung cấp điện

Nhu cầu sử dụng điện: điện chiếu sáng công trình, điện chiếu sáng toàn khu và hệ thống điện động lực ước tính khoảng 10.000 KW/tháng. Nguồn điện này được lấy từ hệ thống điện dọc theo đường vào Thác Trời có công suất là 22KVA.

Ngoài ra, dự án còn sử dụng nguồn điện dự phòng là một máy phát điện có công suất 10KVA, máy này được sử dụng khi có sự cố mất điện, trong thời gian nguồn điện có sự cố để đảm bảo có nguồn điện liên tục.

4.3. Nguồn cung cấp nước

Nước được sử dụng cấp cho chăn nuôi, sinh hoạt. Dự án sử dụng nước giếng khoan công nghiệp để tự túc nhu cầu cấp nước của dự án (04 giếng khoan trong đó 02 giếng khoan khai thác, 02 giếng dự phòng) có độ sâu từ 80m đến 100m, đường kính 168mm, trong đó lưu lượng G1 là 86 m³/ngày.đêm; lưu lượng G2 là 86 m³/ngày.đêm. Nước từ giếng khoan được đưa vào bể nước ngầm, bơm lên tháp nước để tạo áp lực trước khi dẫn đến các hạng mục của dự án.

5. Các hạng mục công trình của cơ sở

Để đảm bảo chăn nuôi heo có hiệu quả kinh tế, việc quy hoạch chuồng trại là yếu tố quyết định phát triển chăn nuôi trong một giai đoạn dài. Vì vậy, mặt bằng của dự án đầu tư được sắp xếp một cách tổng thể các dãy chuồng và các công trình phục vụ nhằm đáp ứng với đặc điểm sinh lý, thuận tiện cho việc chăm sóc và phòng trừ dịch bệnh cho đàn heo, đồng thời bảo vệ sức khỏe cho con người.

Bảng 1.5. Các hạng mục công trình đã xây dựng

STT	Hạng mục	S.L	rộng	dài	Diện tích	Tỉ lệ
			m	m	m ²	%
I	Tổng diện tích xây dựng	-	-	-	26.316,5	24,16
Các hạng mục công trình chính						
1	Nhà heo mang thai	4	27,6	50	5.520	
2	Nhà heo nái đẻ	6	15,5	60	5.580	
3	Nhà heo cách ly số 1	1	15	40	600	
4	Nhà heo cách ly số 2	1	15,2	25	380	
5	Nhà heo nọc	1	9	45	405	

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Trang trại chăn nuôi heo nái Đồng Thành 2, quy mô 2.400 con heo nái sinh sản”

STT	Hạng mục	S.L	rộng	dài	Diện tích	Tỉ lệ
			m	m	m ²	%
6	Hố sát trùng xe	1	4	7	28	
7	Phòng pha chế tinh	1	4	10	40	
8	Nhà chờ xuất heo con	1	7	20	140	
9	Nhà kỹ thuật	1	7	30	210	
10	Nhà ở công nhân số 1	1	8,5	48	408	
11	Nhà ở công nhân số 2	1	8,5	18	153	
12	Nhà ăn, bếp nấu ăn	1	8,5	17	144,5	
13	Nhà sát trùng xe	1	7	16	112	
14	Khu nhà điều hành	1	7	31	217	
15	Nhà phơi đồ	1	4	8	32	
16	Nhà nghỉ trưa	1	7	15	105	
17	Kho dụng cụ, vôi	1	7	7	49	
18	Kho cám heo con	1	7	10	70	
19	Nhà xuất heo loại	1	5	10	50	
Các hạng mục công trình phụ trợ						
20	Nhà để xe	1	5	15	75	
21	Nhà bảo vệ	1	4,5	4,5	20	
22	Nhà đặt máy phát điện	1	5	10	50	
23	Bể nước heo uống	1	6	12	72	
24	Tháp nước heo uống	1	3	3	9	
25	Bể nước xịt rửa chuồng	1	6	10	60	
26	Tháp nước xịt rửa chuồng	1	3	3	9	
27	Bể nước sinh hoạt	1	2	2	4	
28	Bể rửa đàn	8	2	2	32	
29	Silo cám	8	3	3	72	
30	Am thờ	1	1	2	2	
31	Trạm điện	1	3	5	15	

Chủ dự án: Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đồng Thành

Vị trí thực hiện: Ấp Tà Thiết, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Trang trại chăn nuôi heo nái Đồng Thành 2, quy mô 2.400 con heo nái sinh sản”

STT	Hạng mục	S.L	rộng	dài	Diện tích	Tỉ lệ
			m	m	m ²	%
Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường						
32	Nhà kho chứa CTR và CTNH	1	4	5	20	
33	Hố hủy xác	1	6	12	72	
34	Nhà ép phân	1	5	10	50	
35	Nhà ủ phân	1	5	10	50	
36	Nhà để phân	1	5	15	75	
37	Bể thu gom	1	3	5	15	
38	Hầm Biogas	1	25	50	1.250	
39	Bể Anoxic	1	25	50	1.250	
40	Bể Aerotank	1	25	40	1.000	
41	Bể lắng	1	25	50	1.250	
42	Hồ sinh học	1	25	50	1.250	
43	Hồ chứa nước thải sau xử lý	1	18	30	540	
44	Bể chứa bùn	1	5	10	50	
45	Hồ chứa nước mưa 1	1	10	16	160	
46	Hồ chứa nước mưa 2	1	10	22	220	
47	Hồ chứa nước mưa 3	1	4	22	88	
48	Hồ chứa nước mưa 4	1	14	26	364	
49	Hồ chứa nước mưa 5	1	17	33	561	
II	Diện tích đường nội bộ	-	-	-	3.656,6	3,36
III	Diện tích cây xanh	-	-	-	78.928,9	72,48
TỔNG CỘNG					108.902	100

(Nguồn: Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đồng Thành, 2022)

5.1. Các hạng mục công trình chính

* Nhà heo mang thai: nhà 1 tầng, gồm 4 nhà với tổng diện tích 5.520m². Kết cấu công trình khung kèo định hình lợp tôn, tường bao che xây gạch kết hợp tấm làm mát.

* *Nhà heo nái đẻ*: nhà 1 tầng, gồm 6 nhà với tổng diện tích 5.580m². Kết cấu công trình khung kèo định hình lợp tôn, tường bao che xây gạch kết hợp tấm làm mát.

* *Nhà heo cách ly 1*: nhà 1 tầng, diện tích 600m². Kết cấu công trình khung kèo định hình lợp tôn, tường bao che xây gạch kết hợp tấm làm mát.

* *Nhà heo cách ly 2*: nhà 1 tầng, diện tích 380m². Kết cấu công trình khung kèo định hình lợp tôn, tường bao che xây gạch kết hợp tấm làm mát.

* *Nhà heo nọc*: nhà 1 tầng, diện tích 456m². Kết cấu công trình khung kèo định hình lợp tôn, tường bao che xây gạch kết hợp tấm làm mát.

* *Khối nhà ở, phục vụ, làm việc*: Kết cấu công trình móng, cột, dầm, giằng bê tông cốt thép, khung kèo tổ hợp gác xà gỗ thép, lợp tôn, trần tôn lạnh, tường bao che xây gạch sơn nước, nền lát gạch ceramic.

5.2. Các hạng mục công trình phụ trợ

* *Nhà đặt máy phát điện*: 01 nhà, với diện tích 50 m², kết cấu: nền bê tông, cột bê tông cốt thép, tường xây tô 2 mặt quét sơn nước, mái lợp tole màu, cửa khung sắt.

** Hệ thống đường giao thông và cây xanh*

Đường nội bộ trong dự án rộng 4m phục vụ cho các xe tải vào, ra cũng như sử dụng cho mục đích cứu hỏa, đi lại nội bộ. Hai bên đường nội bộ sẽ trồng cây xanh và trồng cỏ để tạo màu xanh và môi trường sạch cho khu vực Dự án.

** Hệ thống cung cấp điện*

Điện cung cấp cho dự án được lấy từ lưới điện chạy dọc Đường vào Thác Trôi. Căn cứ vào công suất tiêu thụ điện, xây dựng trạm biến áp với công suất 50KVA22/0.4KV.

Các thiết bị điện phải được lựa chọn phù hợp với môi trường lắp đặt, kết hợp với yêu cầu kỹ thuật. Các thiết bị điện phải có chứng chỉ theo qui định.

Sử dụng cáp bền nhiệt ở những nơi cần thiết, chọn lựa cáp cho phù hợp với tuổi thọ tính toán của các hạng mục công trình.

Hạng mục công trình đặt một tủ điện có áp-tô-mát riêng để đóng ngắt tại chỗ khi có nhu cầu.

Đây là công trình thuộc nhóm bảo vệ chống sét cấp III. Thu lôi chống sét đặt trên nóc mái tôn, đảm bảo điện trở nối đất $R \leq 10 \Omega$. Tiếp địa bằng thanh đồng dài 2,4 chôn dưới đất.

** Hệ thống cung cấp nước*

Nước được sử dụng cấp cho chăn nuôi, sinh hoạt. Dự án sử dụng nước giếng khoan công nghiệp để tự túc nhu cầu cấp nước của dự án (04 giếng khoan trong đó 02 giếng khoan khai thác, 02 giếng khoan dự phòng có độ sâu từ 30m đến 60m, đường kính 168mm, với lưu lượng G1 là 86 m³/ngày.đêm; lưu lượng G2 là 86 m³/ngày.đêm). Tổng lưu lượng nước khai thác G1, G2 là 172 m³/ngày.đêm.

Nước từ giếng khoan được đưa vào bể nước ngầm, bơm lên tháp nước để tạo áp lực trước khi dẫn đến các hạng mục của dự án.

** Hệ thống thông tin liên lạc*

Hệ thống thông tin liên lạc với chức năng liên lạc, truyền thông tin, thông báo, tìm kiếm dữ liệu... khi cần thiết, được đấu nối vào hệ thống cáp thông tin liên lạc có sẵn và chịu sự quản lý của bưu điện tỉnh Bình Phước, gồm:

- Hệ thống Internet
- Hệ thống điện thoại

** Hệ thống phòng cháy chữa cháy*

Hệ thống phòng cháy chữa cháy cho đơn vị được thiết kế áp dụng theo các tiêu chuẩn sau:

- Tiêu chuẩn TCVN 5760:1993 Yêu cầu chung về thiết kế lắp đặt và sử dụng hệ thống chữa cháy.
- Tiêu chuẩn TCVN 4513:1993 Cấp nước bên trong – Tiêu chuẩn thiết kế.
- Tiêu chuẩn TCVN 5739:1993 Thiết bị chữa cháy – Đầu nối.
- Tiêu chuẩn TCVN 2622:78 và TCVN 2622:1995 Phòng cháy chống cháy cho Nhà máy và công trình.
- Tiêu chuẩn TCVN 33:2006/BXD: Cấp nước – Mạng lưới đường ống và các công trình tiêu chuẩn thiết kế.

** Hệ thống chống sét*

Hệ thống chống sét là loại kim thu sét tia tiên đạo, bán kính hoạt động tối thiểu là 55m, với cáp dẫn sét loại đồng trần đường kính 50 mm², được luồn trong ống PVC và dẫn đến hộp đếm sét và hệ tiếp đất.

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Dự án “Trang trại chăn nuôi heo nái Đồng Thành 2, quy mô 2.400 con heo nái sinh sản” được xây dựng trên khu đất có diện tích 108.902m² phù hợp theo quy định tại Quyết định số 17/2020/QĐ-UBND ngày 29/7/2020 của UBND tỉnh về việc bãi bỏ khoản 8, khoản 10 Điều 2, Điều 5 Quy định quy hoạch chăn nuôi, cơ sở giết mổ, gia súc gia cầm tập trung trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2017-2020 và tầm nhìn đến năm 2030 ban hành kèm theo Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 13/11/2017 của UBND tỉnh và Quyết định số 2208/QĐ-UBND ngày 06/10/2011 của UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt đề án phát triển chăn nuôi trên địa bàn tỉnh đến năm 2020. Ngoài ra, dự án đã được UBND tỉnh Bình Phước chấp thuận chủ trương tại Quyết định số 562/QĐ-UBND ngày 16 tháng 03 năm 2017 về việc chấp thuận chủ trương cho Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đồng Thành xây dựng trang trại chăn nuôi heo nái. Do đó, dự án là hoàn toàn phù hợp với quy hoạch phát triển của địa phương.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Vị trí khu đất của dự án “Trang trại chăn nuôi heo nái Đồng Thành 2, quy mô 2.400 con heo nái sinh sản” của Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đồng Thành được thực hiện tại ấp Tà Thiết, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước, tổng diện tích thực hiện dự án là 108.902m². Dự án cách khu định cư khoảng 4,45km về phía Nam và cách khu dân cư ấp Tà Thiết 4,6km về phía Tây Nam. Đất thực hiện dự án là đất quy hoạch rừng sản xuất, thuộc Ban quản lý rừng phòng hộ Tà Thiết quản lý, giao khoán cho ông Nguyễn Văn Phương trồng cây lâu năm theo hợp đồng khoán số 13/07/HĐK ngày 12/02/2007 và hợp đồng khoán số 14/2007/HĐK ngày 29/03/2007 và được Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đồng Thành mua lại để xây dựng theo hợp đồng khoán số 20/2017/HĐ-DA, 22/2017/HĐ-DA và 23/2017/HĐ-DA.

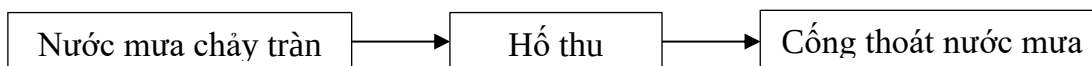
Chương III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Nước mưa chảy tràn qua mặt bằng dự án có lẫn đất cát và các chất rắn lơ lửng. Lượng nước mưa xung quanh khu nhà văn phòng, sinh hoạt của công nhân sẽ được thu gom bằng các mương thoát nước có kích thước (rộng×sâu) 0,8m×1,2m, mương đất, tổng chiều dài tuyến mương khoảng 340,28m, dẫn nước mưa về hố thu nước mặt khoảng 540m² để lắng đất cát, chất rắn lơ lửng sau đó được dẫn xuống ống cống thoát nước mưa của khu vực.

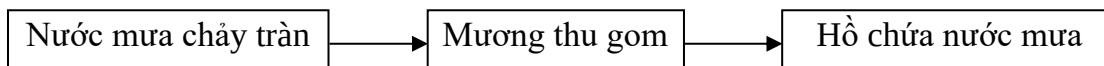


Hình 3.1. Sơ đồ thu gom nước mưa chảy tràn tại khu vực văn phòng

Các khu vực còn lại của Trang trại, nước mưa chảy tràn sẽ được thu gom bằng các mương thoát nước có kích thước (rộng×sâu) 0,8m×1,2m, mương đất, tổng chiều dài tuyến mương khoảng 446,66m, dẫn nước mưa về hồ chứa nước mưa.

Định kỳ cho công nhân nạo vét bùn lắng toàn bộ hệ thống mương tránh tình trạng bồi lắng, ùn tắc gây ngập úng cục bộ.

Nước mưa một phần tự thấm trong khu vực trồng cây xanh, phần còn lại dẫn về hồ chứa nước mưa tại dự án được bố trí ở hướng tây, hồ chứa nước mưa là hồ đất, gồm 05 hồ với thể tích hồ chứa nước mưa 1: 640m³ (kích thước hồ: dài×rộng×sâu = 16m×10m×4m), hồ chứa nước mưa 2: 880m³ (kích thước hồ: dài×rộng×sâu = 22m×10m×4m), hồ chứa nước mưa 3: 352m³ (kích thước hồ: dài×rộng×sâu = 22m×4m×4m), hồ chứa nước mưa 4: 1.456m³ (kích thước hồ: dài×rộng×sâu = 26m×14m×4m) và hồ chứa nước mưa 5: 2.244m³ (kích thước hồ: dài×rộng×sâu = 33m×17m×4m). Lượng nước mưa này sau khi lắng sẽ được sử dụng cho phòng cháy chữa cháy trong trại.

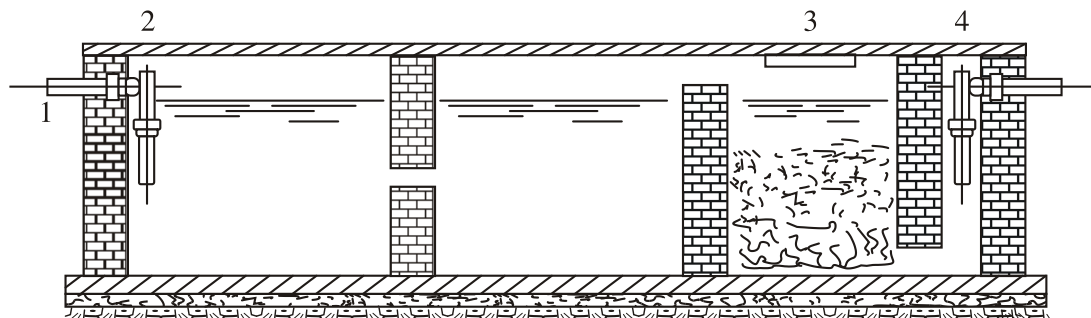


Hình 3.2. Sơ đồ thu gom nước mưa chảy tràn khu vực Trang trại

1.2. Xử lý nước thải

1.2.1. Bể tự hoại xử lý nước thải sinh hoạt

Tổng số lượng cán bộ công nhân viên hoạt động trong Trang trại hiện tại là 38 người, với lượng nước thải tương đương gần $4,6\text{m}^3/\text{ngày}$. Trang trại đã xử lý nước thải sinh hoạt bằng bể tự hoại 3 ngăn, sau đó sẽ đưa vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Trang trại.



Hình 3.3. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn có ngăn lọc

1- Ống dẫn nước thải vào bể. 2- Ống thông hơi. 3- Nắp thăm (để hút cặn).

4- Ngăn định lượng xả nước thải đến công trình xử lý tiếp theo.

Thuyết minh công nghệ:

Nước thải sinh hoạt của Trang trại đã được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn để loại bỏ các chất hữu cơ nhờ hoạt động của vi sinh vật kỵ khí, lắng và lọc các chất lơ lửng sau đó được đưa vào hố thấm. Bể này có hai chức năng chính là lắng và phân hủy cặn lắng với hiệu suất xử lý 40-70%. Thời gian lưu nước trong bể khoảng 20 ngày thì 95% chất rắn lơ lửng sẽ lắng xuống đáy bể. Cặn được giữ lại trong đáy bể từ 6-8 tháng, dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân hủy một phần, một phần tạo ra các chất khí và một phần tạo thành các chất vô cơ hòa tan. Nước thải ở trong bể một thời gian dài để đảm bảo hiệu suất lắng cao rồi mới chuyển qua ngăn lọc và thoát ra ngoài đường ống dẫn. Mỗi bể tự hoại đều có ống thông hơi để giải phóng khí từ quá trình phân hủy.

Chủ trang trại đã xây dựng 08 bể tự hoại ở các vị trí như sau: 01 bể tại nhà ở công nhân số 2 và nhà ăn; 02 bể tại nhà ở công nhân số 1; 01 bể tại nhà kỹ thuật; nhà điều hành 02 bể; nhà nghỉ trưa công nhân 01 bể; và 01 bể tại nhà bảo vệ.

Nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại sẽ được đưa vào HTXLNTTT của trại để tiếp tục xử lý nhằm đạt chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT, cột B. Nước thải sinh hoạt dẫn về hệ thống xử lý nước thải bằng đường ống uPVC Ø90mm. Tổng chiều dài hệ thống ống thu gom nước thải khoảng 670,18m, trên tuyến thu gom bố trí 12 hố ga.

1.2.2. Nước thải chăn nuôi

Nước thải phát sinh từ nước tiểu gia súc, nước rửa chuồng trại, nước tắm gia súc và nước uống rơi vãi của gia súc. Những nước thải này luôn luôn trộn lẫn với chất thải rắn vô cơ như phân, thức ăn thừa, lông,... của gia súc, các vi sinh vật cùng với các vật thể rắn vô cơ như đất, cát, mủn bao bì... Nước thải chăn nuôi là một loại nước thải rất đặc trưng và có khả năng gây ô nhiễm môi trường cao do có chứa hàm lượng cao các chất hữu cơ, cặn lơ lửng, N, P và VSV gây bệnh.

Nước thải chăn nuôi được thu gom theo hệ thống mương dẫn bằng bê tông kín, dẫn nước thải về Bể thu gom trước khi dẫn vào các công trình xử lý tiếp theo. Mương dẫn nước thải chăn nuôi là mương bê tông đá 1×2 dày 10cm, độ dốc 1,5%, quét chống thấm, mương kín, bên trên có lắp đặt các tấm đan bê tông đầy kín, mương được bố trí dọc trong khu trại. Mương dẫn nước thải có kích thước khoảng $0,6m \times 0,5m \times 610,29m$ (s: chiều sâu; r: chiều rộng, d: chiều dài) mương này dẫn nước thải từ các khu chuồng trại đến hệ thống xử lý nước thải. Trên tuyến mương thu gom nước thải bố trí 22 hố ga, vật liệu bê tông, kích thước hố ga (dài $\times$ rộng $\times$ sâu) $0,6m \times 0,6m \times 0,6m$.

❖ Nước thải từ nhà sát trùng và hố sát trùng

Với quy trình khép kín, công nhân trước khi vào chuồng nuôi phải qua nhà sát trùng và các phương tiện vận chuyển khi vào trại cũng phải qua hệ thống phun nước sát trùng. Việc sát trùng đảm bảo cho người công nhân và các phương tiện vận chuyển ra vào Trại được sát trùng tuyệt đối, đồng thời hạn chế đáng kể lượng nước thải.

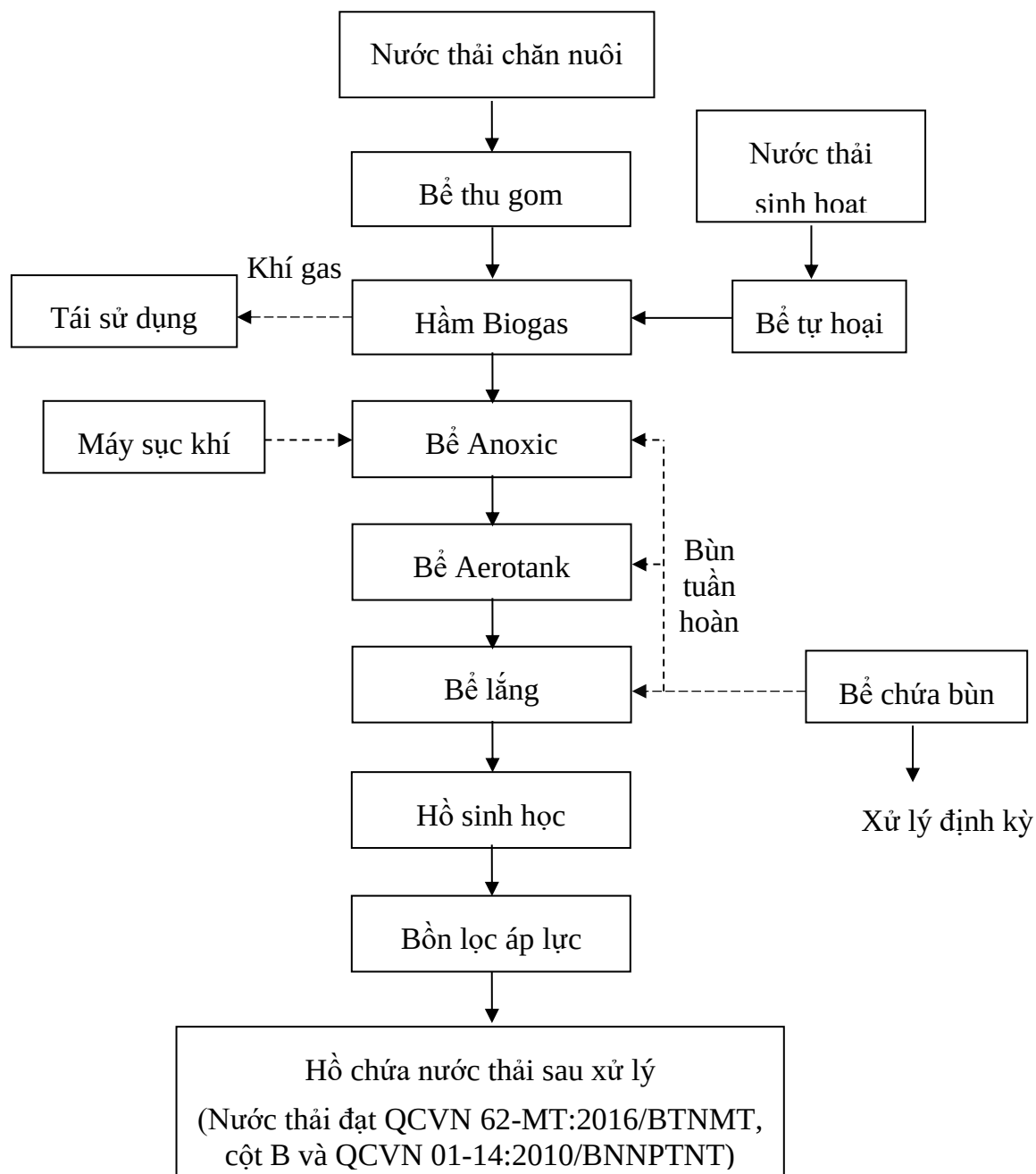
Lượng nước cấp cho sát trùng là $0,8m^3/ngày$, vậy lượng nước thải tương đương sẽ là $0,8m^3/ngày$. Lượng nước sát trùng không đáng kể, tuy nhiên để tránh tình trạng chảy tràn gây ô nhiễm môi trường thì Trang trại đã bố trí hố ga tại khu vực này để thu gom. Nhà sát trùng được bố trí 1 hố ga chứa ống rút nước với kích thước: $40cm \times 40cm \times 40cm$, và tại Hố sát trùng xe có bố trí 1 hố ga thu nước với kích thước $60cm \times 60cm$.

Nước thải từ nhà sát trùng sẽ được thu gom vào các hố ga theo đường ống đi về hầm Biogas để xử lý.

1.2.3. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải $200m^3/ngày.đêm$

Lượng nước thải phát sinh từ chuồng trại vào khoảng $154,5m^3/ngày$, Trang trại đã lựa chọn các thiết kế phù hợp với tính chất và lưu lượng nước thải của trang trại đồng thời đảm bảo yêu cầu về đầu ra sau xử lý. Công suất của hệ thống xử lý nước thải là $200m^3/ngày.đêm$. Nước thải đầu ra đạt tiêu chuẩn QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột B và QCVN 01 – 14:2010/BNNPTNT trước khi dùng cho mục đích tưới cây.

Sơ đồ hệ thống xử lý nước thải của trang trại hiện nay:

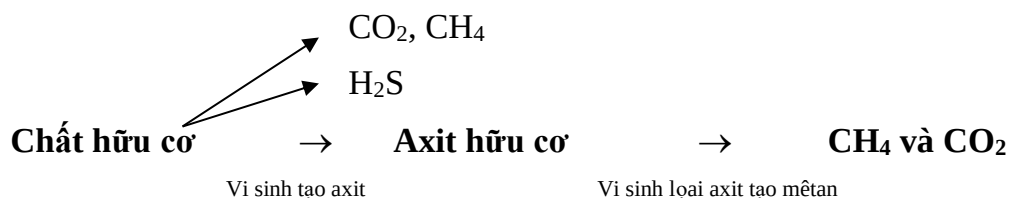


Hình 3.4. Sơ đồ hệ thống xử lý nước thải của Trang trại

Thuyết minh quy trình công nghệ xử lý:

Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn được đầu nối vào Hầm Biogas để tiếp tục xử lý. Nước thải chăn nuôi sau khi đưa qua bể thu gom phân phân được lắng lại, phần nước tiếp tục đi qua hầm biogas. Phần phân được bơm lên máy ép phân,

lượng nước từ quá trình ép phân cũng sẽ được dẫn về hầm biogas. Tại đây, các nhóm vi sinh vật kỵ khí và vi sinh vật tùy nghi sẽ phân hủy các chất hữu cơ tạo ra các axit hữu cơ, các axit hữu cơ tiếp tục được loại bỏ nhờ các nhóm vi sinh vật loại axit tạo ra khí Metan và khí Cacbonic. Các khí gas này được thu gom và đốt bỏ. Các hoạt động diễn ra trong Hầm Biogas phủ bọt (trong môi trường kỵ khí) như sau:

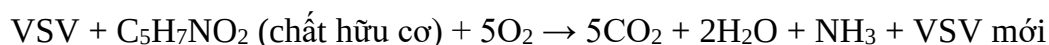


Trong quá trình phân hủy kỵ khí sự thay đổi của độ pH có ảnh hưởng rất lớn đến sự hoạt động của các vi sinh vật kỵ khí. Độ pH thích hợp nhất là từ 6,8 – 7,5. Sau xử lý hầm Biogas phủ bọt, BOD giảm khoảng 79 – 87%, Coliform giảm 98 – 99,7%, trứng giun sán giảm 95,6 – 97%.

Sau khi qua hầm Biogas vẫn còn chứa nhiều thành phần ô nhiễm như BOD, COD, Amoni, Photpho trong nước thải nên tiếp tục được đưa qua Bể Anoxic (bể thiếu khí). Bể sinh học thiếu khí (anoxic) kết hợp bể sinh học hiếu khí (aerotank) được lựa chọn để xử lý tổng hợp: khử BOD, nitrat hóa, khử NH₄⁺ và khử NO₃⁻ thành N₂, khử Phospho.

+ Quá trình phân hủy hợp chất hữu cơ:

Trong bể sinh học các vi sinh vật (VSV) hiếu khí sử dụng oxy được cung cấp chuyển hóa các chất hữu cơ hòa tan trong nước thải một phần thành vi sinh vật mới, một phần thành khí CO₂ và NH₃ bằng phương trình phản ứng sau:



+ Quá trình nitrate hóa:

Quá trình Nitrate hóa là quá trình oxy hóa các hợp chất chứa Nitơ, đầu tiên là Ammonia thành Nitrite sau đó oxy hóa Nitrite thành Nitrate. Quá trình Nitrate hóa ammonia diễn ra theo 2 bước liên quan đến 2 loại vi sinh vật tự dưỡng Nitrosomonas và Nitrobacter.

Bước 1: Ammonium được chuyển thành nitrite được thực hiện bởi Nitrosomonas:



Bước 2: Nitrite được chuyển thành nitrate được thực hiện bởi loài Nitrobacter:



Với việc lựa chọn bể bùn hoạt tính xử lý kết hợp đan xen giữa quá trình xử lý thiếu khí, hiếu khí sẽ tận dụng được lượng cacbon khi khử BOD, do đó giảm được một lượng lớn cacbon cần phải được cấp thêm từ ngoài vào khi cần khử NO_3^- , tiết kiệm được 50% lượng oxy khi nitrat hóa khử NH_4^+ do tận dụng được lượng oxy từ quá trình khử NO_3^- . Nước sau cụm bể anoxic – aerotank dẫn vào bể lắng.

Tại bể lắng sinh học, hỗn hợp nước thải cùng bùn được dẫn vào ống trung tâm, di chuyển từ trên xuống đáy bể. Trong quá trình di chuyển, các bông bùn do va chạm vào tấm chắn của ống trung tâm, bị mất lực và rơi xuống đáy bể. Phần nước trong lan tỏa ra hai bên và dâng lên thành bể. Nước được thu vào hệ thống máng tràn của bể lắng và được bơm về hồ sinh học.

Bùn được giữ lại ở đáy bể lắng. Một phần được tuần hoàn lại bể sinh học hiếu khí, một phần được đưa đến bể chứa bùn.

Nước thải sau khi qua hồ sinh học được dẫn về Bồn lọc áp lực. Bồn lọc áp lực có nhiệm vụ khử chất rắn lơ lửng không lắng được và các chất hữu cơ còn lại trong nước trước khi dẫn ra hồ chứa nước thải sau xử lý. Nước sau hệ thống lọc dẫn ra hồ chứa nước sau xử lý. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 01-14:2010/BTNMT và QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột B sẽ được dùng để xịt rửa chuồng heo, chạy giàn mát và tưới cây trong khu vực dự án và các vườn cao su xung quanh, bao gồm: vườn cao su của ông Nguyễn Văn Dũng, ông Đinh Như Tiến Dũng, ông Đinh Như Mạnh Hùng và ông Lê Đức Chiến thuộc tiểu khu 221, Ban QLRPH Tà Thiết, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, Tỉnh Bình Phước (Biên bản thỏa thuận được đính kèm phần phụ lục) với tổng diện tích tưới là 55,8 ha. Với tổng lượng nước thải của trang trại là $160,7\text{m}^3/\text{ngày}$. Lượng nước thải dùng để tưới cây cao su đảm bảo được sử dụng hết trong mùa mưa và mùa khô. Do khu vực tưới tiêu xung quanh Trang trại nên Trang trại đã đầu tư xe bồn chở nước thải đến khu vực tưới.

Hệ thống lọc sau một thời gian vận hành liên tục sẽ bị tắc lọc hoặc lưu lượng sau lọc giảm do trở lực ngày càng lớn nên cần phải tiến hành rửa lọc theo định kỳ để loại bỏ cặn. Nước rửa lọc sẽ được dẫn về hồ sinh học và tiếp tục quá trình xử lý.

Thông tin kỹ thuật liên quan về hầm Biogas:

Hầm Biogas có nhiệm vụ xử lý hầu như toàn bộ các chất bẩn và vi trùng gây bệnh. Các chất hữu cơ trong dung dịch phân sẽ bị phân hủy thành khí gas, thành phần của khí gas được tạo ra phụ thuộc vào chất nền và điều kiện hoạt động của các chất lên men. Phần khí gas do không có nhu cầu sử dụng nên sẽ được thu hồi và tái sử dụng phục vụ trong quá trình nấu nướng tại trang trại. Ống thu khí được chế tạo bằng thép hoặc nhựa cứng, một đầu được nối với ống dẫn khí, đầu kia gắn xuyên qua nắp bể biogas để thu và vận chuyển khí

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Trang trại chăn nuôi heo nái Đồng Thành 2, quy mô 2.400 con heo nái sinh sản”

ra khỏi bể. Phân bùn dưới đáy hầm định kỳ 1 lần/tháng sẽ được bơm tới sân phơi bùn. Lượng khí dư thừa sẽ được đốt bỏ.

1.2.4. Quy trình vận hành:

Cách thức vận hành:

– Hoạt động tự động (AUTO): Chuyển công tắc điều khiển các thiết bị sang mức AUTO. Ở chế độ này, quá trình vận hành hoàn toàn tự động theo cài đặt của đơn vị thi công. Đây là chế độ hoạt động ổn định, ít cần đến sự can thiệp của con người. Khi cần thay đổi cơ chế làm việc, cần liên hệ với đơn vị thi công để thực hiện. Quá trình hoạt động tự động của dây chuyền xử lý nước thải theo cơ chế.

– Chế độ tắt (OFF): Chuyển công tắc điều khiển các thiết bị sang mức OFF. Ở chế độ này hệ thống sẽ tắt hoàn toàn.

– Hoạt động chế độ tay (MAN): Chuyển công tắc điều khiển các thiết bị sang mức MAN. Ở chế độ này, quá trình vận hành hoạt động bằng tay. Đây là chế độ hoạt động cần đến sự can thiệp của con người. Chế độ này được thực hiện trong giai đoạn đầu (giai đoạn nuôi cấy vi sinh) và trong trường hợp chế độ AUTO gặp sự cố.

Các thông số kiểm tra trong quá trình vận hành:

– Lưu lượng: Quyết định khả năng chịu tải của hệ thống và tải lượng bề mặt của bể lắng. Do đó, cần đảm bảo lưu lượng ổn định trước khi vào công trình sinh học.

– F/M (tỷ lệ thức ăn cho vi khuẩn): Thích hợp khoảng 0,2 – 0,6. Hạn chế tình trạng pH giảm, bùn nổi, lắng kém. Nếu F/M thấp: là do vi khuẩn có cấu trúc đặc biệt (nấm). Ngược lại, F/M cao: DO thấp, quá tải, bùn đen, lắng kém, có mùi tanh, hiệu quả xử lý thấp.

– pH: Thích hợp là 6,5 – 8,5, pH cao do quá trình chuyển hóa N thành N-NH₃ tốt, khả năng đệm cao. Nếu pH thấp: sẽ xảy ra quá trình Nitrat hóa, hàm lượng HCO₃⁻ thấp. Cần tăng cường hóa chất tăng độ kiềm. Để khắc phục sự dao động của pH cần cung cấp đủ dinh dưỡng, hàm lượng hữu cơ, hạn chế quá trình phân hủy nội bào, sử dụng hóa chất tăng độ kiềm.

– Chất dinh dưỡng: N, P đảm bảo tỉ lệ BOD:N:P = 100:5:1, nếu thiếu phải bổ sung nguồn từ bên ngoài. Thông thường tỉ lệ này trong nước thải chăn nuôi sẽ thiếu BOD nên cần bổ sung dinh dưỡng (mật rỉ, cám gạo,...).

Vận hành công trình đơn vị:

– Bể Anoxic: 02 motor khuấy chìm được lắp đặt trong bể nhằm giữ bùn ở trạng thái lơ lửng và nhằm tạo sự tiếp xúc giữa nguồn thức ăn và vi sinh. Bơm khuấy trộn hoạt động theo timer cài đặt sẵn trong tủ điện.

– Bể Aerotank: 02 máy thổi khí được vận hành liên tục nhằm cung cấp oxy cho cả hai nhóm vi sinh vật hiếu khí này hoạt động. 02 máy thổi khí hoạt động luân phiên nhau theo timer được cài đặt sẵn trong tủ điện. 02 Bơm chìm nước tuần hoàn trong bể có nhiệm vụ tuần hoàn nước thải về bể Anoxic để khử nitrate. 02 bơm tuần hoàn này hoạt động theo timer cài đặt sẵn trong tủ điện.

– Bể lắng: Nước thải sau khi ra khỏi Bể Aerotank sẽ chảy tràn qua Bể lắng sinh học. Tại đây, xảy ra quá trình lắng tách pha và giữ lại phần bùn (vi sinh vật). Phần bùn lắng này sẽ được 01 bơm bùn tuần hoàn hoạt động theo timer được cài đặt sẵn trong tủ điện bơm về Bể Anoxic nhằm duy trì nồng độ vi sinh vật. Phần bùn dư được bơm về Bể chứa bùn nhằm làm giảm độ ẩm của bùn thải.

– Lọc áp lực: Bơm trực ngang được lắp đặt để bơm nước từ bể khử trùng qua bồn lọc áp lực để đảm bảo loại bỏ phần TSS còn sót lại trong nước trước khi xả ra hồ chứa nước sạch.

Vận hành thiết bị máy móc:

– Công tắc nguồn điều khiển: Cung cấp hoặc ngắt nguồn điện cho hệ thống.

– Nhân lực: Có 01 công nhân làm việc và trực phía sau toàn bộ hệ thống. Có sự cố báo lên ban giám đốc trại.

1.2.5. Thông số kỹ thuật các hạng mục công trình

Bảng 3.1. Các bể tự hoại của Trang trại

STT	Hạng mục	Số bể	Kích thước 1 bể (dài x rộng x cao) (m)
1	Nhà ở công nhân số 2 + Nhà ăn (38 người)	01	4 x 2 x 2,2
2	Nhà ở công nhân số 1	02	4 x 2 x 2,2
3	Nhà kỹ thuật	01	4 x 2 x 2,2
4	Nhà điều hành	02	4 x 2 x 2,2

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Trang trại chăn nuôi heo nái Đồng Thành 2, quy mô 2.400 con heo nái sinh sản”

5	Nhà nghỉ trưa công nhân	01	4 x 2 x 2,2
6	Nhà bảo vệ	01	4 x 2 x 2,2

Nguồn: Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đồng Thành, 2022

Bảng 3.2. Danh mục các hạng mục công trình XLNT đã xây lắp

TT	Công trình	Số lượng	Kích thước (dài x rộng x sâu) (m)	Thể tích/bể (m ³)	Cấu tạo
1	Bể thu gom	01	3 x 5 x 6	90	BTCT, M250, chống thấm
2	Hầm Biogas	01	50 x 25 x 7,5	9.375	Hồ đất vát taluy, lót bạt HDPE
3	Bể Anoxic	01	50 x 25 x 6	5.000	Hồ đất vát taluy, đáy hồ được lót 2 lớp vật liệu HPDE
4	Bể Aerotank	01	40 x 25 x 6	5.000	Hồ đất vát taluy, đáy hồ được lót 2 lớp vật liệu HPDE
5	Bể lắng	01	50 x 25 x 4	5.000	Hồ đất vát taluy, đáy hồ được lót 2 lớp vật liệu HPDE
6	Hồ sinh học	01	50 x 25 x 4	5.000	Hồ đất vát taluy, đáy hồ được lót 2 lớp vật liệu HPDE
7	Bồn lọc áp lực	01	Đường kính 1,5m × cao 2m	0,9	Thép SS400 sơn Epoxy
8	Hồ chứa nước thải sau xử lý	01	30 x 18 x 5	2.700	Hồ đất vát taluy, đáy hồ được lót 2 lớp vật liệu HPDE
9	Bể chứa bùn	01	10 x 5 x 1,5	75	BTCT, M250, chống thấm

Nguồn: Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đồng Thành, 2022

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Trang trại bao gồm:

- Khí thải từ hoạt động giao thông vận chuyển nguyên liệu, thức ăn gia súc;
- Khí thải từ máy phát điện dự phòng;
- Bụi do quá trình nhập nguyên liệu vào kho và lưu trữ;
- Bụi từ hoạt động phối trộn thức ăn cho heo;
- Ô nhiễm do mùi hôi.
- + Từ dãy chuồng chăn nuôi;
- + Từ trạm xử lý nước thải;
- + Từ các loại thuốc thú y, sát trùng;
- + Từ khu vực lưu trữ rác;
- + Từ nhà chứa phân.

Chủ đầu tư đã thực hiện các biện pháp xử lý ô nhiễm không khí trong giai đoạn hoạt động của Trang trại cụ thể như sau:

❖ Giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ các phương tiện cơ giới

Vấn đề ô nhiễm không khí do hoạt động giao thông vận tải, vận chuyển heo, nguyên nhiên vật liệu tại Trang trại, Chủ đầu tư đã có những biện pháp thích hợp để hạn chế tối đa nguồn ô nhiễm bao gồm:

- Chọn sử dụng nhiên liệu tốt, có hàm lượng lưu huỳnh thấp cho các phương tiện;
- Không cho nổ máy trong khi chờ nhận gia súc, nguyên nhiên vật liệu;
- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các phương tiện vận chuyển, đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt;
- Bê tông hóa đường giao thông nội bộ;
- Phun nước sân bãi giảm bụi và hơi nóng do xe vận chuyển ra vào trang trại.

❖ Xử lý khí thải máy phát điện

Trang trại sử dụng một máy phát điện dự phòng với công suất 420KVA để phục vụ cho hoạt động Trang trại khi cúp điện. Máy phát điện của Trang trại là máy mới nên khí thải sinh ra sẽ ít ảnh hưởng tới môi trường. Tuy nhiên cũng cần có các giải pháp nhằm hạn chế ảnh hưởng của khí thải từ máy phát điện. Các biện pháp Trang trại đã áp dụng nhằm giảm thiểu khí thải từ máy phát điện dự phòng như sau:

- Sử dụng loại dầu có tỷ lệ %S là 0,05% để giảm hơn nữa nồng độ SO₂ trong khí thải.
- Máy phát điện Trang trại sử dụng là loại máy mới có trang bị các bộ phận giảm ồn, rung, hạn chế tối đa lượng khói thải gây ô nhiễm.

- Khói thải từ máy phát điện được phát tán ra ngoài môi trường theo ống khói cao hơn mái 3,5m.
- Phòng đặt máy phát điện được thiết kế cao, rộng, thoáng và được đặt ở địa điểm có khoảng cách hợp lý so với cơ sở sản xuất chính.
- Phòng ngừa sự cố tràn dầu xảy ra thì nhà đặt máy phát điện của Trang trại có thiết kế đường dẫn dầu tràn dẫn tới hồ ga thu dầu tràn.

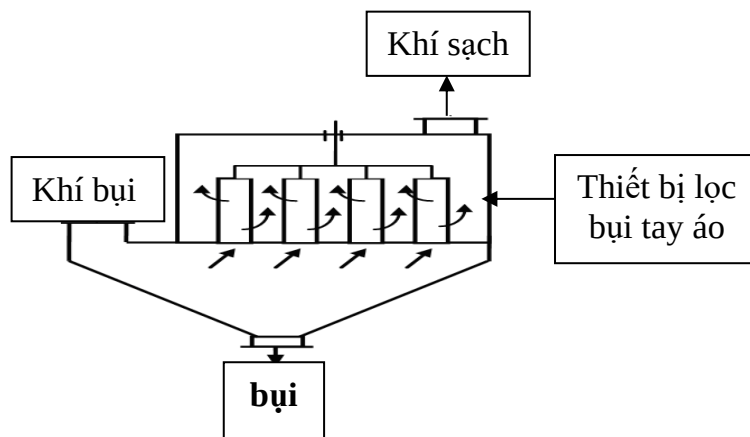
❖ **Giảm thiểu bụi và mùi hôi từ kho lưu trữ nguyên liệu**

Nhằm giảm thiểu bụi và mùi hôi từ kho lưu trữ nguyên liệu Trang trại đã thực hiện các biện pháp sau:

- Trồng dây cây xanh, thảm cỏ xung quanh khu lưu trữ nguyên liệu;
- Thường xuyên vệ sinh khu vực lưu trữ;
- Việc lưu trữ và xuất kho Trang trại thực hiện đúng theo trình tự quy định, hạn chế làm rơi vãi nguyên liệu. Trong trường hợp rơi vãi, phải thu gom và vệ sinh ngay;
- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại kho;
- Nguyên liệu phải được phân loại đóng gói cẩn thận trước khi lưu kho.

❖ **Khống chế ô nhiễm bụi từ hoạt động phối trộn thức ăn**

Ô nhiễm bụi phát sinh chủ yếu từ silo chứa thức ăn gia súc cho heo. Để hạn chế nồng độ bụi phát sinh từ chuyển thức ăn từ silo đến các máng ăn, Chủ đầu tư đã sử dụng thiết bị lọc bụi tay áo tại mỗi silo, phương pháp đạt hiệu quả cao trong việc thu hồi bụi. Bụi sau khi thu hồi tiếp tục dùng cho heo ăn vì lượng bụi này là cám heo.



Hình 3.5. Thiết bị lọc bụi tay áo

Nguyên lý hoạt động: Khi cho khí chứa bụi qua vách ngăn xếp, các hạt rắn được giữ lại còn khí đi xuyên qua nó hoàn toàn. Trong quá trình lọc bụi, các hạt bụi khô tích tụ trong các lỗ xếp hoặc tạo thành lớp bụi trên bề mặt vách ngăn, và do đó chúng trở thành

môi trường lọc đối với các hạt bụi đến sau. Vật liệu lọc sau một thời gian sẽ được phục hồi để làm tăng khả năng lọc bụi.

Căn cứ vào tính chất bụi của Trang trại, Chủ đầu tư đã lựa chọn vải tổng hợp để cho hiệu quả lọc bụi cao và độ bền cao. Vải lọc thỏa mãn các yêu cầu sau:

- Khả năng lọc bụi cao và ngay sau khi phục hồi đảm bảo hiệu quả lọc cao;
- Giữ được khả năng cho khí xuyên qua tối ưu;
- Độ bền cơ học cao khi nhiệt độ cao và môi trường ăn mòn;
- Có khả năng phục hồi được;
- Giá thấp.

❖ *Các biện pháp giảm thiểu nhiệt dư*

Nguồn ô nhiễm nhiệt đáng quan tâm nhất là lượng nhiệt bức xạ từ mái chuồng, từ máy trộn nguyên liệu. Do đó Trang trại đã có các biện pháp nhằm hạn chế những ô nhiễm này để bảo vệ cho những người công nhân trực tiếp lao động trong khu chăn nuôi và điều kiện sống tốt cho gia súc như sau:

- Sử dụng các tấm giấy tổ ong có tưới nước để cấp hơi nước cho luồng gió vào trại hoặc sử dụng các tấm xếp vuông cách nhiệt để giảm lượng nhiệt truyền từ mái chuồng;
- Sử dụng quạt ly tâm để hút gió cưỡng bức trong trại;
- Khi hệ thống thông gió cưỡng bức bị hỏng, phải mở các cửa sổ để thông gió tự nhiên trong thời gian sửa chữa hệ thống gió cưỡng bức;
- Tuyệt đối không đặt các quạt thổi khí để tránh phát tán các nguồn ô nhiễm bụi.

❖ *Biện pháp khống chế tiếng ồn*

Tiếng ồn phát sinh từ chuồng nuôi heo, máy phát điện, máy trộn cám tại nhà kho.... Để hạn chế tối đa các tác động của nguồn ô nhiễm này, các biện pháp đã được Trang trại áp dụng là:

- Đối với tiếng ồn từ khu nuôi heo: Khu vực chuồng trại được thiết kế đảm bảo đúng kỹ thuật, cách ly khu vực nhà kho, văn phòng, trồng cây xanh xung quanh chuồng nuôi heo để hạn chế tối đa tiếng ồn;
- Có kế hoạch thường xuyên trong việc theo dõi, bảo trì (kiểm tra độ mòn chi tiết, thường kỳ tra dầu bôi trơn, thay các chi tiết hư hỏng, kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt);
- Lắp đệm chống ồn cho các thiết bị có khả năng gây ồn;
- Trang bị đầy đủ nút bịt tai chống ồn cho công nhân và kiểm tra thường xuyên việc sử dụng phương tiện này.

Khu vực thực hiện dự án nằm trong khuôn viên rộng lớn, xa khu dân cư nên các ảnh hưởng về tiếng ồn là không đáng kể. Tuy vậy, việc áp dụng các biện pháp khống chế nêu trên được thực hiện nghiêm túc đã hạn chế tối đa tác động của tiếng ồn đến môi trường và sức khỏe người công nhân lao động.

❖ ***Biện pháp giảm thiểu mùi hôi***

Các biện pháp Chủ đầu tư đã áp dụng để giảm thiểu tối đa khả năng phát sinh mùi như sau:

➤ *Giảm thiểu mùi hôi từ dãy chuồng chăn nuôi*

Mùi hôi phát sinh từ khu vực chuồng trại bao gồm khí NH_3 , H_2S , với quy mô chăn nuôi 2.400 con heo nái thì vấn đề ô nhiễm do mùi hôi của Trang trại cần kiểm soát nên đề khống chế ô nhiễm do mùi hôi tại khu vực trại Chủ dự án đã áp dụng các biện pháp tổng hợp sau:

- Chuồng trại thường xuyên được dọn rửa để tránh tồn trữ phân, nước tiểu, thức ăn thừa của heo phát sinh mùi, luôn tiến hành dọn phân trước khi vệ sinh chuồng hoặc tắm cho heo;
- Chuồng trại được thông thoáng bằng hệ thống làm mát, do đó không khí trong chuồng luôn được lưu thông tốt đã giảm mùi hôi đáng kể;
- Trộn vào thức ăn các chất khử mùi sinh vật là Biodeodorant (xuất xứ Đài Loan) kết hợp với Sarsaponin (xuất xứ Mỹ) với tỉ lệ pha trộn thích hợp đã làm giảm đáng kể mùi hôi từ phân;
- Phun các hóa chất khử mùi cho xung quanh toàn trại chăn nuôi để làm giảm đáng kể mùi hôi từ phân;
- Mùi hôi thu hút nhiều côn trùng, vi sinh gây bệnh sinh sôi nảy nở, để hạn chế việc này mỗi tháng trang trại đã xịt thuốc sát trùng diệt côn trùng và vi sinh vật gây bệnh. Khi vào mùa mưa, khí hậu ẩm ướt tạo điều kiện cho vi sinh vật, côn trùng phát triển nên trại tăng cường xịt thuốc diệt côn trùng 1 tuần/1 lần, đồng thời quét vôi hành lang 2 lần/tháng.

➤ *Giảm thiểu mùi hôi từ khu xử lý nước thải*

- Trồng dây cây xanh, thảm cỏ cách ly hệ thống xử lý nước thải với các khu vực khác và giữa các lối đi của hệ thống xử lý nước thải;
- Tuyến thoát nước thải được trang bị cống kín từ nơi phát sinh đến trạm xử lý;
- Vận hành hiệu quả trạm xử lý nước thải;

– Thường xuyên giám sát, kiểm tra, hạn chế rò rỉ nước thải ra ngoài gây ô nhiễm môi trường.

➤ *Mùi hôi từ các loại thuốc thú y, sát trùng*

Chủ đầu tư đã trang bị khẩu trang, quần áo bảo hộ lao động cho các công nhân làm việc tại trại. Hơi hóa chất phát sinh từ hoạt động khử trùng chuồng trại là nguồn phân tán không thể thu gom và xử lý triệt để. Do vậy, phương án tối ưu là trồng cây xanh xung quanh khu vực trại.

➤ *Mùi hôi từ khu vực lưu trữ rác*

Khu vực chứa rác của trại được bố trí xa khu nhà làm việc, nhà ở, sinh hoạt của công nhân. Khu vực này có mái che, thiết kế thông thoáng nhằm hạn chế tối đa khí thải và mùi.

➤ *Mùi hôi từ nhà chứa phân*

Trang trại đã áp dụng biện pháp phun dung dịch EM để giảm thiểu mùi hôi và phun vôi để chống sinh ruồi, bọ. Nhà chứa phân được xây dựng kín, nền bê tông, cột bê tông cốt thép. Vị trí đặt cách xa khu văn phòng, nhà ở công nhân và đặt ở cuối hướng gió, kết cấu của nhà chứa phân đảm bảo thông thoáng để không tích trữ mùi hôi và khí độc.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.1. Đối với chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong quá trình hoạt động của Trang trại là từ khu hoạt động sinh hoạt của công nhân làm việc trong khu trại, nhà ăn, khu hành chính,... Với lượng rác thải sinh hoạt bình quân là 17,2 kg/ngày. Lượng rác thải này được Trang trại thu gom tập trung lại và tiến hành phân loại: đối với rác thải hữu cơ sẽ tiến hành ủ chung với phân gia súc, đối với rác thải có nguồn gốc plastic, kim loại,... được thu gom bán cho đơn vị có nhu cầu, còn lại các loại rác thải khác sẽ được thu gom vận chuyển đến bãi rác để xử lý.

a. Thu gom

Chủ trang trại đã bố trí các thùng chứa rác tại các phân khu và đường nội bộ. Tại mỗi vị trí đặt đồng thời 2 thùng: 1 thùng chứa chất thải hữu cơ, 1 thùng chứa rác còn lại. Các thùng đều có nắp đậy để hạn chế sự xâm nhập của nước mưa và phát tán mùi.

b. Xử lý

- Đơn vị thu gom và xử lý: Công ty TNHH Môi trường Bình Phước.
- Địa chỉ: ấp 4, xã Đồng Tâm, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
- Đại diện: Lương Thịnh Quốc

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Trang trại chăn nuôi heo nái Đồng Thành 2, quy mô 2.400 con heo nái sinh sản”

– Phương tiện thu gom, vận chuyển của đơn vị xử lý thuê là xe cơ giới chuyên dùng.

(Hợp đồng thu gom rác thải sinh hoạt hợp đồng số 01-06/HĐDVVSMT-2018 ký hợp đồng ngày 01/06/2018 được gia hạn hợp đồng tại phụ lục Số 04-05/PLHĐDVVSMT-2022 ngày 1/6/2022 có hiệu lực hết ngày 31/5/2023).



Hình 3.6. Nhà kho chứa rác thải sinh hoạt

3.2. Đối với chất thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi của Trang trại

Chất thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi của Trang trại bao gồm: bao bì chứa thức ăn gia súc, vật dụng đựng thức ăn. Các chất thải từ hoạt động của Trang trại đã được thu gom và xử lý như sau:

– Đối với chất thải rắn như thùng carton, kim loại,... được phân loại ngay tại nguồn, đem bán cho các cơ sở khác để tái sử dụng làm nguyên liệu (với các chất thải còn sử dụng được) và hợp đồng với các đơn vị có chức năng tới thu gom (các chất thải không tái sử dụng được);

– Các loại bao bì như bao bì chứa thức ăn gia súc bị hỏng, Chủ trang trại sẽ thu gom và định kỳ vận chuyển đến bãi xử lý chung của tỉnh để xử lý;

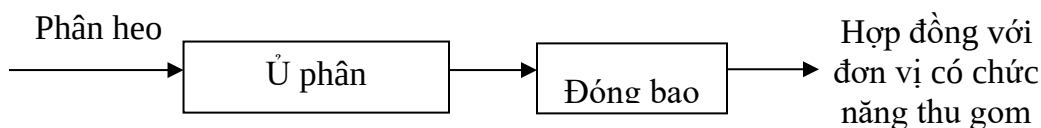
– Riêng các loại chất thải như xác heo chết không do dịch bệnh, nhau thai,...: các

loại chất thải này sẽ được đưa vào hố hủy xác;

Cụ thể tùy theo từng đối tượng chất thải rắn mà Chủ trang trại có các biện pháp xử lý cụ thể như sau:

❖ **Phân heo**

Lượng phân heo phát sinh trung bình của trang trại là 20.350 kg/ngày. Với lượng phân này thì 70% lượng phân heo sẽ được thu gom, tiến hành ủ phân rồi đóng gói thành bao (20-30kg) sau đó chứa tại nhà chứa phân. Trong quá trình lưu trữ phân tại nhà chứa phân, Chủ trang trại sẽ phun phế phẩm EM và rắc vôi bột nhằm hạn chế tác động của mùi hôi và khử trùng. Sau đó sẽ được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.



Hình 3.7. Sơ đồ xử lý phân heo

Thuyết minh sơ đồ:

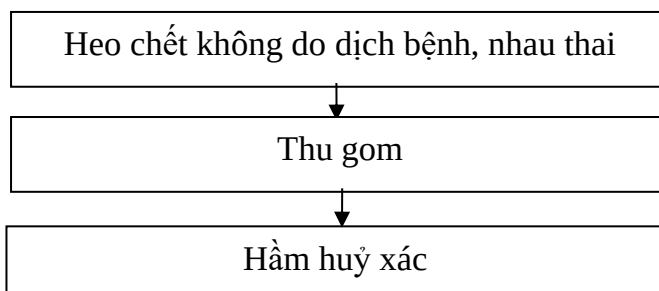
Phân heo sau khi thu gom sẽ được trộn với chất độn tro, rơm rạ nhằm giảm độ ẩm của phân, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình ủ phân. Tiến hành ủ phân theo luống, rồi đóng gói thành bao sau đó chứa tại nhà chứa phân. Trong quá trình lưu trữ phân tại nhà chứa phân, chủ đầu tư sẽ phun phế phẩm EM và rắc vôi bột nhằm hạn chế tác động của mùi hôi và khử trùng. Nhà ủ phân của Trang trại được thiết kế với diện tích 50m², kết cấu: nền bê tông, cột bê tông cốt thép, tường xây tô 02 mặt, mái lợp tôn. Lượng phân sau khi ủ sẽ được đóng bao lưu chứa tại nhà để phân với diện tích 105m², kết cấu: nền bê tông, cột bê tông cốt thép, tường xây tô 02 mặt, mái lợp tôn và được Chủ dự án Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

Hiện tại Công ty đã ký hợp đồng với đơn vị là Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P Việt Nam – Chi nhánh NM3 tại Bình Phước (Địa chỉ: Ấp Càn Dực, xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước, Việt Nam) để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định của pháp luật.

❖ **Heo chết không do dịch bệnh, nhau thai**

Heo chết không do dịch bệnh, nhau thai được thu gom và xử lý bằng hầm hủy xác. Chủ Dự án đã xây dựng 04 hầm hủy xác với thể tích 72 m³/hầm, kích thước: Dài × rộng × sâu = 6m × 3m × 4m. Hầm được xây dựng lộ thiên 1m cách mặt đất, đào sâu 3m dưới lòng đất, đáy hố đổ bê tông cốt thép, tường thành hố xây dựng gạch tô 2 mặt quét hồ dầu chống thấm, mặt nắp hố đổ bê tông cốt thép, có ống thoát khí cao 1m co hướng xuống đáy (ống $\phi 42$). Mỗi hầm có 01 cửa, cửa được xây bằng gạch với kích thước 0,8m×0,8m. Khi ngăn

hầm thứ nhất đầy thì công ty tiến hành bỏ xác heo chết không do dịch bệnh, nhau thai vào ngăn hầm thứ 2, hầm thứ 3 và hầm thứ 4.



Hình 3.8. Quy trình xử lý xác heo chết không do dịch bệnh bằng hầm huỷ xác

Thuyết minh quy trình xử lý:

Heo chết không dịch bệnh phát sinh từ dự án sẽ được chuyển ngay ra khu vực hầm huỷ xác.

Khu vực huỷ xác: Khu vực huỷ xác được bố trí bên trong khu đất của dự án biệt lập và cách xa với khu vực chuồng nuôi.

Quy trình huỷ xác:

- Bước 1: Sau khi hoàn tất công tác bố trí và xây dựng hầm huỷ xác, tiến hành rải vôi bột làm lớp lót đáy của hầm huỷ xác.
- Bước 2: Cho xác động vật cần tiêu huỷ xuống hầm.
- Bước 3: Rải một lớp vôi bột lên lớp xác vừa được đưa vào hầm. Tùy theo số lượng xác để rải vôi bột.
- Bước 4: Đóng cửa sau khi thực hiện các bước trên. Sau khi bị chết, xác động vật sẽ được phân huỷ tương tự quá trình vô cơ hoá chất hữu cơ trong tự nhiên.
- Bước 5: Phía ngoài khu vực hầm huỷ xác, tạo một rãnh nước với kích thước: rộng 20 – 30cm và sâu 20 – 25 cm, có tác dụng dẫn nước mưa thoát ra ngoài, tránh ứ đọng nước quanh hầm huỷ xác.
- Bước 6: Trên bề mặt hầm huỷ xác, rắc vôi bột với lượng 0,8kg/m² hoặc phun dung dịch chlorine nồng độ 2%, với lượng 0,2 – 0,25 lít/m² để hạn chế khả năng phát tán mùi và nguy cơ bệnh dịch nếu có trong quá trình thao tác.
- Bước 7: Khi lượng xác heo tại hầm 1 đầy, công ty tiến hành bỏ xác heo vào hầm thứ 2, hầm thứ 3 và hầm thứ 4. Trong thời khoảng 3 – 6 tháng thì xác heo tại ngăn hầm 1 đã phân huỷ và sẽ được đem đi bón cây, công ty sẽ tiếp tục bỏ xác heo vào ngăn hầm 1 và tiếp tục như vậy cho ngăn hầm thứ 2, thứ 3 và thứ 4.

Ngoài ra khi nghi ngờ heo bệnh, mắc bệnh truyền nhiễm hoặc chết không rõ nguyên nhân phải cách ly và báo ngay cho chính quyền địa phương và thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh do cơ quan thú y hướng dẫn.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

a. Thu gom:

Đối với chất thải nguy hại như hộp mực in thải, chất thải lây nhiễm, pin ắc quy chì thải, kim loại, ống tiêm, bóng đèn thủy tinh hỏng,... được Trang trại thu gom hàng ngày chứa riêng trong thùng nhựa HDPE có nắp đậy, dán nhãn riêng cho từng loại, đặt trong nhà kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 10m². Nhà chứa chất thải nguy hại với kết cấu có mái che, sàn cao tránh bị ngập nước, nền bê tông, cột bê tông cốt thép, tường xây tô 2 mặt sơn nước, mái lợp tole, có dán biển cảnh báo, có bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy và rãnh thu gom chất thải dạng lỏng,...theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại. Về kho lưu chứa và thiết bị lưu chứa đáp ứng các yêu cầu chung theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

Bảng 3.3. Chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình chăn nuôi

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Đơn vị thu gom
1	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	08 02 04	Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH trong quá trình hoạt động
2	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	
3	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải (từ máy phát điện dự phòng, xe tải, xe bồn,...)	17 02 03	
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa (thùng, can nhựa chứa dầu nhớt, hóa chất thải)	18 01 03	
6	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Trang trại chăn nuôi heo nái Đồng Thành 2, quy mô 2.400 con heo nái sinh sản”

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Đơn vị thu gom
7	Pin, ắc quy chì thải	19 06 01	

b. Lưu giữ:

Thông số kỹ thuật nhà chứa chất thải nguy hại như sau:

- Kích thước: 10 m²
- Vị trí: nhà chứa chất thải nguy hại mỗi trại
- Kết cấu: Nhà chứa chất thải nguy hại với kết cấu có mái che, sàn cao tránh bị ngập nước, nền bê tông, cột bê tông cốt thép, tường xây tô 2 mặt sơn nước, mái lợp tole, có dán biển cảnh báo, có bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy và rãnh thu gom chất thải dạng lòng,... theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại. Về kho lưu chứa và thiết bị lưu chứa chứa đáp ứng các yêu cầu chung theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

c. Xử lý:

Chủ đầu tư đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với Công ty Cổ phần Môi trường Thảo Dương Xanh hợp đồng số 46/2020/HHĐXL-TDX ngày 01/06/2020 được gia hạn Hợp đồng tại phụ lục số 02-05/PLHDDVVSMT-2022 ngày 01/06/2022 có hiệu lực đến hết ngày 31/05/2023. (đính kèm phụ lục)

- Đơn vị thu gom: Công ty Cổ phần Môi trường Thảo Dương Xanh.
- Địa chỉ: ấp Xa Lách, xã Tân Quan, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.
- Phương tiện thu gom và vận chuyển của đơn vị được thuê xử lý: là xe tải chuyên dụng thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại theo đúng quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

d. Tần suất thu gom của đơn vị xử lý thuê: 01 lần/năm.

Một số hình ảnh về phòng chứa chất thải nguy hại và công tác phân loại, lưu trữ chất thải nguy hại của dự án:



Hình 3.9. Thùng chứa rác thải nguy hại

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn phát sinh từ chuồng nuôi heo, máy phát điện, máy trộn cám tại nhà kho.... Để hạn chế tối đa các tác động của nguồn ô nhiễm này, các biện pháp sẽ được áp dụng sẽ là:

- Đối với tiếng ồn từ khu nuôi heo: Khu vực chuồng trại được thiết kế đảm bảo kỹ thuật, cách ly khu vực nhà kho, văn phòng, trồng cây xanh xung quanh chuồng nuôi heo để hạn chế tối đa tiếng ồn.
- Có kế hoạch thường xuyên trong việc theo dõi, bảo trì (kiểm tra độ mòn chi tiết, thường kỳ tra dầu bôi trơn, thay các chi tiết hư hỏng, kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt).
- Lắp đệm chống ồn cho các thiết bị có khả năng gây ồn.
- Trang bị đầy đủ nút bịt tai chống ồn cho công nhân và kiểm tra thường xuyên việc sử dụng phương tiện này.

Khu vực thực hiện dự án nằm trong khuôn viên rộng lớn, xa khu dân cư nên các ảnh hưởng về tiếng ồn là không đáng kể. Việc áp dụng các biện pháp không chế nêu trên, được thực hiện nghiêm túc sẽ hạn chế tối đa tác động của tiếng ồn đến môi trường và sức khỏe người công nhân lao động.



Hình 3.10. Nhà đặt máy phát điện

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

6.1. Biện pháp phòng chống sự cố cháy nổ

Để phòng ngừa xảy ra sự cố hỏa hoạn do quá trình đun nấu, tồn trữ nhiên liệu và từ hầm biogas trong quá trình hoạt động của trang trại, Chủ trang trại đã ban hành và thực hiện nghiêm ngặt các quy định về phòng chống cháy nổ như sau:

- Các loại nguyên liệu, dung môi dễ cháy được chứa và bảo quản ở nơi thoáng, giảm nhiệt độ không khí cũng như cách ly các bảng điện, tủ điện điều khiển, có hàng rào cách ly và có tường bao che để ngăn chặn chảy tràn lan khi có sự cố;
- Các máy móc, thiết bị phải có lý lịch kèm theo và phải được đo đạc, theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật;
- Thiết lập các hệ thống báo cháy, đèn hiệu và thông tin tốt, các phương tiện và thiết bị chữa cháy hiệu quả;
- Công nhân hoặc cán bộ vận hành phải được huấn luyện và thực hành thao tác đúng cách khi có sự cố và luôn luôn có mặt tại vị trí của mình, thao tác và kiểm tra, vận hành đúng kỹ thuật, tiến hành sửa chữa định kỳ.

Một số hình ảnh về các thiết bị phòng cháy chữa cháy của dự án:



Hình 3.11. Các thiết bị phòng cháy chữa cháy của dự án

❖ **Một số phương án bảo vệ khi xảy ra cháy, nổ:**

Khi nhận được tin báo:

- Ngay khi nhận được tin báo nhân viên Bảo vệ phải nhanh chóng cơ động đến địa điểm báo cháy kiểm tra xem đó là thật hay giả, mức độ lớn hay nhỏ
- Thông báo cho toàn bộ các bộ phận có liên quan.
- Chuyển bộ đàm sang kênh khẩn cấp và không được gọi nếu không cần thiết.
- Nếu cháy nhỏ và nhận định không nguy hiểm thì phải tự mình sử dụng các phương tiện PCCC gần đó để dập tắt. Tuyệt đối tránh tình trạng hoảng sợ không đáng có gây sự hoảng loạn nơi mọi người.
- Nếu cháy lớn và có thể xác định lây lan nguy hiểm cần phải đập bể các thiết bị báo cháy để thông tin mọi nơi.

Xác định tính chất của vụ cháy:

- Căn cứ vào độ cao ngọn lửa, diện tích đám cháy, nhiệt độ toả ra từ đám cháy.
- Căn cứ tốc độ lây lan của ngọn lửa.
- Căn cứ vào vật liệu, địa hình, địa vật tại nơi cháy và khu vực lân cận.

– Xác định sơ bộ nguyên nhân của vụ cháy: Do điện – gas - hoá chất - xăng dầu - lửa thường...

Xử lý:

- Cúp cầu dao chính ngăn ngừa các thiết bị điện chập mạch gây cháy nổ dây chuyền.
- Phát động báo cháy.
- Gọi điện thoại cho Đội Cảnh Sát PCCC theo danh bạ có sẵn, nói sơ bộ cho họ biết đường đi thuận lợi nhất.
- Mở nhanh các lối thoát hiểm để mọi người thoát ra ngoài.
- Chú ý hướng gió để di tản mọi người cho an toàn, không được di tản xuôi theo chiều gió.
- Dùng tất cả các phương tiện sẵn có để chữa cháy.
- Chuẩn bị nhanh chóng, thuận lợi lối đi lại cho xe cứu hoả – cứu thương.
- Xác định nơi có thể ùn tắc do con người như: Cửa thoát hiểm – Bãi xe – Nơi để đồ nhân viên – Nơi có tài sản để điều động nhân viên giám sát, đảm bảo an toàn trật tự.
- Di dời ngay lập tức các đồ vật dễ gây cháy, nổ ra xa khu vực nguy hiểm.
- Di chuyển an toàn tài liệu, tài sản quan trọng và cử người coi giữ.
- Tất cả nhân viên bảo vệ phải đảm bảo an toàn vị trí được phân công.

Cháy - nổ - rò - rỉ Gas:

- Xác định nhanh chóng nơi có sự cố.
- Khoá chặt hay cô lập hệ thống gas.
- Di tản người ngược theo hướng gió.
- Liên tục nhắc nhở mọi người không được dùng các vật gây lửa như: Bật quẹt – Hút thuốc – Không bật các công tắc điện...
- Điện báo cho Công ty gas đến xử lý giúp.

Sau khi cháy nổ:

- Bảo vệ tốt hiện trường để các ban, ngành, cơ quan công an làm công tác khám nghiệm điều tra.
- Lập biên bản, báo cáo sự việc.
- Phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan chức năng xử lý.
- Đánh giá mức độ thiệt hại. Chỉ thu dọn khi có lệnh của cấp có thẩm quyền.

❖ **Phòng ngừa một số nguyên nhân gây cháy, nổ giai đoạn hoạt động của Dự án:**

Cháy do dùng điện quá tải

Để tránh hiện tượng quá tải điện, các biện pháp sau sẽ được áp dụng:

- Khi thiết kế sẽ chọn tiết diện dây dẫn phù hợp với dòng điện.
- Những nơi cách điện bị đập, nhựa cách điện bị biến màu là những nơi dễ phát lửa khi dòng điện quá tải cần được thay dây mới.
- Khi sử dụng mạng điện và các máy móc thiết bị phải có những bộ phận bảo vệ như cầu chì, role...

Phòng chống cháy do chập mạch

Để đề phòng chập mạch, các khu chức năng có thể áp dụng các biện pháp sau:

- Khi mắc dây điện, chọn và sử dụng thiết bị điện phải theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật an toàn như dây điện trần phía ngoài nhà phải cách nhau 0,25 m.
- Nếu dây dẫn tiếp xúc với kim loại sẽ bị mòn, vì vậy cấm dùng đinh, dây thép để buộc giữa dây điện.
- Các dây điện nối vào phích cắm, đui đèn... phải chắc và gọn, điện nối vào mạch rẽ ở hai đầu dây nóng và nguội không được trùng lên nhau.

Phòng chống cháy do nối dây không tốt (lỏng, hở)

Để phòng chống cháy do nối dây không tốt, các điểm nối dây phải đúng kỹ thuật. Khi thấy nơi quần băng dính bị khô và cháy sáng thì phải kiểm tra ngay và nối chặt lại điểm nối. Không được co kéo dây điện hay treo các vật nặng lên dây. Đường dây dẫn điện, các cầu chì, cầu dao không để bị gỉ, nếu bị gỉ thì nơi gỉ là nơi phát nhiệt lớn.

Phòng chống cháy máy biến thế

- Nếu máy biến thế làm việc quá công suất (hiện tượng ống báo nhiệt độ hoặc đồng hồ sẽ chỉ số quá an toàn) nên kiểm tra nhiệt độ.
- Nếu thấy phía thành của nắp máy biến thế thoang thoang mùi khét và có khói trắng thì phải ngừng ngay hoạt động của máy.
- Phòng đặt máy biến thế phải xây dựng bằng vật liệu không cháy, cửa cũng phải làm bằng vật liệu không cháy và mở ngoài. Trong các phòng có máy biến thế không được để những vật gì khác.
- Phải có trang bị phương tiện chữa cháy, bình CO₂, cát, xẻng, sào cắt điện.

❖ Biện pháp chữa cháy thiết bị điện

- Trước khi chữa cháy thiết bị điện phải ngắt nguồn điện rồi mới tiến hành cứu chữa. Nếu cháy nhỏ có thể dùng bình CO₂ để cứu chữa. Khi đám cháy đã phát triển lớn thì tùy tình hình cụ thể mà quyết định phương pháp cứu chữa thích hợp.
- Khi ngắt điện, người chữa cháy phải được trang bị các dụng cụ bảo hộ như sào cách điện, bọc cách điện, ủng, găng tay và kéo cắt điện. Những dụng cụ này phải ghi rõ điện áp cho phép sử dụng.

❖ ***Biện pháp giảm thiểu sự cố từ hệ thống thoát nước và xử lý nước thải***

- Sử dụng các vật liệu có độ bền cao và chống ăn mòn.
- Phải có thiết bị dự phòng cho máy móc thiết bị của hệ thống.
- Thường xuyên giám sát chất lượng nước thải.
- Lập kế hoạch bảo hành định kỳ đối với thiết bị máy móc và đối với những đơn vị công trình, thiết bị quan trọng sẽ có thiết bị dự phòng: bơm...
- Các bể ngầm đều có được thiết kế có nắp đậy và thang ở dưới nhằm đảm bảo an toàn cũng như phòng ngừa trường hợp khi xảy ra các sự cố có thể mở ra, kiểm tra và khắc phục sự cố kịp thời. Sau đó tùy từng sự cố cụ thể mà có các biện pháp xử lý tiếp theo.
- Trong trường hợp bùn nổi từ bể vi sinh, lượng bùn nổi sẽ được vớt lên và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom triệt để.
- Khi sự cố rò rỉ hay gãy hệ thống đường cống xảy ra, chủ đầu tư sẽ phối hợp với đơn vị chuyên môn nhằm sửa chữa kịp thời và giảm thiểu đến mức thấp nhất khả năng ảnh hưởng đến môi trường nước mặt, cũng như đảm bảo mỹ quan trong khu vực.
- Đảm bảo không có bất kỳ các công trình xây dựng trên đường ống thoát nước.
- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn (có kế hoạch đào tạo và hướng dẫn nhân viên vận hành).
- Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống một cách thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp;
- Lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời cũng là tạo ra cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất;
- Lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý;
- Trong trường hợp xảy ra sự cố như nghẹt bơm, vỡ đường ống hoặc nước thải xử lý không đạt tiêu chuẩn sẽ tiến hành ngưng hoạt động của hệ thống và tiến hành kiểm tra, sửa chữa. Trong thời gian này nước sẽ được dẫn vào bể điều hòa, sau khi hệ thống được sửa chữa hoàn tất nước thải sẽ được bơm trở lại quy trình xử lý; đảm bảo thời gian sửa chữa là nhanh nhất. Hệ thống xử lý nước thải được thiết kế bể điều hòa và bể anoxic có thể lưu trữ nước thải tạm thời trong khoảng thời gian chờ sửa chữa.
- Đối với sự cố chết vi sinh xử lý: tắt sục khí để lắng 1 tiếng, tiến hành bơm nước thải ra (ức chế vi sinh vật). Tiến hành bơm nước thải sạch vào bể Aerotank sục khí 30 phút và để lắng, tiếp tục bơm nước ra. Sau đó kiểm tra toàn bộ thông số của nước thải đầu vào.

– Đối với sự cố quá tải: cần kiểm tra lại tính chất nước thải đầu vào và các công đoạn xử lý trước khi nước thải đi vào bể vi sinh hiếu khí. Để khắc phục hiện tượng bọt nổi nhiều do lượng vi sinh hoạt tính vật trong bể rất ít, cần bổ sung thêm lượng vi sinh vật trong bể bằng cách mua thêm bùn vi sinh tại các công ty chuyên cung cấp bùn vi sinh hoạt tính.

– Đối với sự cố vi sinh vật thiếu thức ăn: Tăng lưu lượng nước cần xử lý hoặc bổ sung thêm các chất hữu cơ tự nhiên cho vi sinh vật phát triển.

❖ **Bảo trì, bảo dưỡng thiết bị định kỳ:**

Các thiết bị tiêu thụ điện, dù tốt vẫn không tránh khỏi các rủi ro, ngay cả khi sử dụng đúng chính xác, người sử dụng dễ bị chủ quan không kiểm tra kỹ trước khi thao tác dẫn đến tai nạn. Một số rủi ro thường xảy ra là:

- Rủi ro khi nối thiết bị với nguồn cung cấp điện.
- Rủi ro do sự rò rỉ điện.
- Để thực hiện công việc bảo trì an toàn phải tuân theo các tiến trình sau:
- Cử nhân viên có kinh nghiệm và thành thạo trong công việc thay thế và sửa chữa các thiết bị điện cũng như các chi tiết về cơ khí của thiết bị tiêu thụ điện.
- Phải bảo đảm tuyệt đối là thiết bị đã được cách ly khỏi nguồn cung cấp điện.
- Cắm bảng báo hiệu để thông báo về việc sửa chữa. Nếu sửa chữa các thiết bị tại nơi có khả năng phát sinh nhiều khí độc và dễ phát hỏa thì phải chú ý đến các vấn đề:
 - + Không được thực hiện việc bảo trì một mình.
 - + Làm thông thoáng hồ bể trước khi bắt đầu công việc. Chuẩn bị trước các thiết bị phòng cháy (bình cứu hỏa...)
 - + Nếu việc sửa chữa đòi hỏi phải xuống hồ, bể, thì phải trang bị dây an toàn và các phương tiện thoát hiểm nhanh trong trường hợp khẩn cấp.

Bảo trì bơm chìm, trình tự thực hiện:

- Cách ly thiết bị khỏi nguồn cung cấp điện.
- Kéo thiết bị lên khỏi hồ bơm hoặc bể.
- Đối với bơm chìm, mở buồng bơm vệ sinh sạch sẽ, kiểm tra xem có vết xước doma sát giữa cánh bơm và buồng bơm không. Điều này chứng tỏ rằng hoặc buồng bơm bị vật cứng chèn vào gây nên vết xước hoặc vòng bi đã bị hỏng làm lệch tâm phải thay vòng bi mới.

– Đo độ cách điện giữa pha với pha, pha với thân thiết bị xem có bị chạm mạch hay chập mạch không.

Bảo trì bơm định lượng:

– Kiểm tra điện áp nguồn đầu vào của máy có bằng điện áp định mức của máy không. Kiểm tra màng bơm xem có bị xước không, nếu có điều này cho biết hóa chất sử dụng có lẫn nhiều tạp chất, loại bỏ tạp chất trước khi sử dụng.

– Thường xuyên vệ sinh các đầu hút và đầu đẩy của máy vì những chỗ này cần bẩn hay bám vào làm nghẹt đầu bơm. Khi bơm không lên nước, kiểm tra đầu hút của máy có kín hay không nếu không kín khí sẽ lọt vào làm không lên nước.

– Khi có khí lọt vào buồng bơm dùng tay vặn nút xả khí, xả xong vặn kín trở lại. Vặn nút điều chỉnh lưu lượng không được vặn quá mức cho phép, nếu vặn quá sẽ gây hư hỏng máy.

Tần suất bảo trì :

– Máy bơm: Kiểm tra sự nghẹt rác và cường độ dòng điện: 1 tuần/ lần.

– Bơm hóa chất: Kiểm tra sự hoạt động và cường độ dòng điện: 1 tuần/ lần.

– Hóa chất: Kiểm tra lượng hóa chất: 1 ngày/ lần.

– Hệ thống van và đường ống: Kiểm tra sự hoạt động, đóng mở van: 1 tuần/ lần

– Tủ điện điều khiển: Kiểm tra sự hoạt động: 1 tuần/ lần.

Kiểm tra chất lượng nước thải : kiểm nghiệm lấy mẫu đối chứng: 10 ngày/ lần.

6.2. Hệ thống chống sét

Lắp đặt hệ thống chống sét tại các điểm cao nhất của các phân xưởng sản xuất, văn phòng làm việc và khu sinh hoạt.

Điện trở tiếp đất xung kích $\leq 10\Omega$ khi điện trở suất của đất $< 50.000 \Omega/\text{cm}^2$. Điện trở tiếp đất xung kích $\geq 10\Omega$ khi điện trở suất của đất $> 50.000 \Omega/\text{cm}^2$.

Chủ trang trại đã lắp đặt hệ thống thu sét, thu tĩnh điện tích tụ.

6.3. Vệ sinh và an toàn lao động

An toàn lao động là mục tiêu hàng đầu trong các hoạt động của Trang trại. Vậy nên để đảm bảo thực hiện tốt nhất về an toàn lao động, ngoài các phương pháp không chế ô nhiễm để đảm bảo tác động tiêu cực đến sức khỏe của người công nhân làm việc trong khu trại, Chủ trang trại đã áp dụng thêm các biện pháp sau đây:

– Kiểm tra sức khỏe định kỳ cho công nhân trong Trang trại;

- Cung cấp thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân: Giày, kính, mũ, găng tay an toàn, ủng,.. Ở những khu vực cần thiết trang bị thêm quạt thông gió để làm thoáng và mát cục bộ. Các điều kiện về ánh sáng và tiếng ồn được tuân thủ chặt chẽ;
- Những công nhân lao động trực tiếp tại khu vực có nhiều bụi, kim loại độc hại được trang bị khẩu trang đặc biệt nhằm tránh các tai hại tiêu cực cho sức khỏe;
- Các dụng cụ và thiết bị cũng như những địa chỉ cần thiết liên hệ khi xảy ra sự cố được trang bị và cập nhật như tủ thuốc, dụng cụ rửa mắt, địa chỉ bệnh viện, địa chỉ cứu hỏa,...
- Các kiến thức nhà kho, chuồng chăn nuôi, văn phòng được đảm bảo các điều kiện về ánh sáng và độ ồn. Sử dụng quạt thông gió để làm thoáng mát cục bộ. Xung quanh trang trại trồng nhiều cây xanh và cỏ;
- Công ty đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho công nhân làm việc tại trang trại và có các chế độ bảo hiểm y tế;
- Đào tạo định kỳ về an toàn lao động cho công nhân;
- Chủ trang trại luôn đảm bảo các yếu tố vi khí hậu và điều kiện lao động không ảnh hưởng đến sức khỏe công nhân làm việc trong khu trại.

6.4. Đối với chương trình vệ sinh phòng dịch

Chương trình vệ sinh phòng dịch của trang trại được thực hiện nghiêm ngặt và đúng theo Quyết định số 46/2005/QĐ-BNN, ngày 25/07/2005 về Ban hành Danh mục đối tượng kiểm tra vệ sinh thú y; Danh mục đối tượng thuộc diện phải kiểm tra vệ sinh thú y; Danh mục đối tượng thuộc diện phải kiểm tra vệ sinh thú y bắt buộc áp dụng tiêu chuẩn vệ sinh thú y và theo Quyết định số 64/2005/QĐ-BNN, ngày 13/10/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc Ban hành Danh mục các bệnh phải công bố dịch; các bệnh nguy hiểm của động vật; các bệnh phải áp dụng các biện pháp bệnh bắt buộc.

1) Vệ sinh cơ bản

Mỗi trang trại đều được thiết kế ngay cổng ra vào có hồ chứa nước sát trùng và hệ thống máy phun sát trùng cho bất cứ phương tiện nào đi ra vào trại. Đối với công nhân viên chức và khách tham quan trước khi ra vào trại đều phải tuân thủ quy định của trại là tắm nước sát trùng và thay đồ mới sử dụng trong trại. Quần áo của công nhân và khách được giặt và sát trùng mỗi ngày.

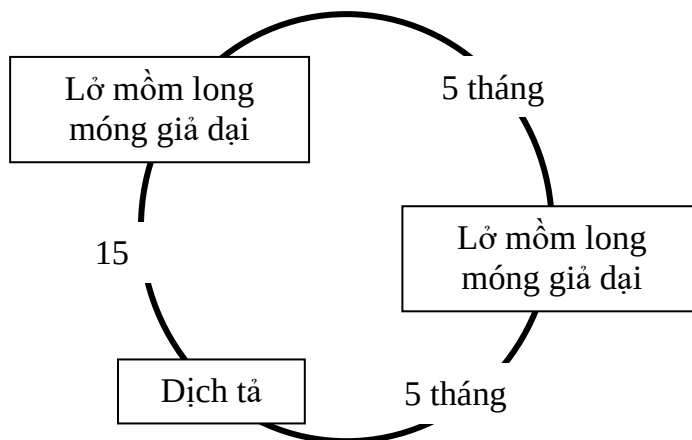
2) An Toàn vệ Sinh Thú y

Chương trình vệ sinh phòng dịch tuân thủ tuyệt đối theo chương trình vệ sinh phòng dịch quốc gia. Bên cạnh đó, trại cũng có chương trình phòng dịch riêng của các chuyên gia Thái Lan vạch ra nhằm bảo đảm an toàn tuyệt đối cho sức khỏe của đàn heo và môi trường.

Dưới đây là quy trình vắc xin, an toàn vệ sinh phòng dịch của trang trại:

❖ *Chương trình tiêm phòng và tẩy ký sinh trùng cơ bản*

- *Đực giống (trước khai thác 15 ngày)*



Hình 3.12. Sơ đồ quy trình tiêm phòng và tẩy ký sinh trùng

- *Nái mang thai*

Bảng 3.4. Quy trình tiêm phòng và tẩy ký sinh trùng cho heo nái mang thai

Thai kỳ (tuần)	Vaccine/tẩy ký sinh trùng
10	Dịch tả (không dùng vaccine thổ hóa)
12	Giả dại, lở mồm long móng
14	Diệt nội ngoại ký sinh trùng

Nguồn: Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đồng Thành

- *Heo con*

Bảng 3.5. Quy trình tiêm phòng và tẩy ký sinh trùng cho heo con từ 1-12 tuần tuổi

Tuần tuổi	Vaccine/tẩy ký sinh trùng
1	Suyễn (Mycoplasma)
3	Suyễn (Mycoplasma)
5	Dịch tả

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Trang trại chăn nuôi heo nái Đồng Thành 2, quy mô 2.400 con heo nái sinh sản”

7	Lở mồm long móng
9	Dịch tả
12	Tẩy ký sinh trùng

Nguồn: Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đồng Thành

❖ *Vệ sinh sát trùng phòng dịch*

Chương trình vệ sinh sát trùng tại trang trại như sau:

- Sát trùng trước khi vào trại: người, heo, phương tiện vận chuyển, vật dụng;
- Phun chất sát trùng chuồng trại định kỳ: 1 lần/tuần, khi cần thiết 2 lần/tuần (Iodine, phenol, glurardehyte, amonium);
- Vệ sinh khử trùng khi chuồng trống: làm sạch bề mặt, tưới xút ăn da (NaOH) 3-5%, phun Formol 3 – 5%, quét sữa vôi;
- Hồ (chậu) tiêu độc chân ở lối đi, cửa ra vào mỗi dãy chuồng: định kỳ bổ sung và thay mới (vôi bột, formol, Cresol);
- Thực hiện đi ủng, mặc đồ đồng phục khi vào chuồng nuôi;
- Tiêu diệt chuột, côn trùng hoặc ngăn ngừa tiếp xúc với heo;
- Không nuôi những loại vật khác trong khuôn viên trang trại hoặc nuôi nhưng không cho tiếp xúc với heo;
- Vệ sinh chuồng trại, máng ăn, dụng cụ chăn nuôi;
- Vệ sinh môi trường xung quanh: Bụi cây, vũng nước, cỏ, rác;
- Vệ sinh hệ thống cống rãnh;
- Xử lý phân, nước thải, xác chết;
- Phát hiện, chuẩn đoán, điều trị heo bệnh kịp thời;
- Vệ sinh, vô trùng dụng cụ thú y: bơm tiêm, kim, panh;
- Kiểm soát nội, ngoại ký sinh trùng: tẩy giun sán, diệt ghẻ;
- Cách biệt rõ ràng 2 khu: khu sinh hoạt và khu chăn nuôi;
- Không mua thịt heo chưa qua chế biến về sử dụng;
- Tuân thủ quy trình chăn nuôi;
- Phát hiện có dấu hiệu dịch truyền nhiễm (bỏ ăn, sốt cao, chết đồng loạt) báo ngay cho Bác sĩ thú y và cán bộ chuyên môn;
- Phối hợp với trạm thú y của xã để kiểm tra và phun thuốc phòng dịch thường xuyên để đảm bảo sức khỏe cho công nhân trong trại và mọi người xung quanh.

6.5. Phòng ngừa và ứng phó với sự cố hóa chất

- Lập kế hoạch kiểm tra, luôn giám sát thường xuyên tại kho chứa;

Chủ dự án: Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đồng Thành

Vị trí thực hiện: Ấp Tà Thiết, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân khi tiếp xúc với hóa chất;
- Chủ trang trại đã lập kế hoạch tập huấn cho công nhân về việc ứng phó với sự cố liên quan đến hóa chất;
- Công nhân luôn vệ sinh bằng xà phòng ngay sau khi tiếp xúc hoặc gặp sự cố với hóa chất.

6.6. Phòng ngừa sự cố từ hầm biogas và hệ thống xử lý nước thải

Để phòng ngừa sự cố do hầm biogas và hệ thống xử lý nước thải Chủ trang trại đã thực hiện các biện pháp sau:

- Phân công nhân viên có chuyên môn để vận hành, kiểm tra hệ thống không chế ô nhiễm, đặc biệt là hệ thống xử lý nước thải;
- Thường xuyên theo dõi và bảo quản đường ống dẫn gas, đường dẫn nước thải;
- Gas sẽ không sinh ra khi ngừng cung cấp phân khoảng 20 ngày. Do đó luôn duy trì hoạt động, chăn nuôi và cung cấp phân cho túi ủ. Hiệu quả của hệ thống phụ thuộc vào lượng phân nạp hằng ngày;
- Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống một cách thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp;
- Trồng cây xanh quanh các hồ sinh học để gia cố và phòng chống sự cố vỡ đập;
- Lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý;
- Báo ngay cho nhà cung cấp, hoặc cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để có biện pháp khắc phục kịp thời;
- Quy trình bảo dưỡng biogas của trang trại được thực hiện định kỳ như sau:
 - + Thực hiện kiểm tra các mối nối của túi chứa khí, hệ thống ống thu gom nước thải, hệ thống ống dẫn khí nhằm đảm bảo không rò rỉ, vỡ đường ống;
 - + Thường xuyên kiểm tra lưu lượng nước thải, bùn thải tiếp nhận vào hệ thống, không để vượt công suất xử lý;
 - + Có kế hoạch bảo dưỡng đối với các thiết bị kèm theo hệ thống, thực hiện thay thế ngay khi có hư hỏng nhằm đảm bảo hoạt động thường xuyên, liên tục và hiệu quả của hệ thống.

Sau khi khắc phục sự cố, bơm nước vận hành thử hệ thống xử lý. Nhận biết chất lượng nước bằng cảm quan (màu sắc, độ đục) và kiểm tra, phân tích một số thông số ô nhiễm thông thường (nếu có điều kiện). Nếu hệ thống vận hành bình thường và chất lượng nước sau xử lý đạt giới hạn yêu cầu, bơm nước tiếp tục quá trình xử lý, vận hành hệ thống theo các nguyên tắc đã đề ra.

7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Bảng 3.6 Các công trình bảo vệ môi trường được điều chỉnh, thay đổi so với ĐTM

Stt	Tên công trình bảo vệ môi trường	Phương án đề xuất trong báo cáo ĐTM	Phương án điều chỉnh, thay đổi đã thực hiện
1	Công trình hủy xác heo chết không do dịch bệnh, nhau thai	Lượng heo chết không do dịch bệnh sẽ được thu gom lưu trữ trong tủ cấp đông có dung tích khoảng 500–700 lít. Sau đó được làm chín và xay nhuyễn rồi đưa vào hầm biogas để xử lý.	Heo chết không do dịch bệnh tại khu trại được thu gom và xử lý bằng hố hủy xác, kết cấu: đáy hố đổ bê tông cốt thép, tường thành hố xây dựng gạch tô 2 mặt quét hồ dầu chống thấm, mặt nắp hố đổ bê tông cốt thép, có ống thoát khí cao 1m co hướng xuống đáy (ống $\phi 42$). Theo Thông tư 07/2016/TT-BNNPTNT Quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn thì nếu chôn 01 tấn động vật hồ chôn cần có kích thước là sâu 1,5 – 2m $\times$ rộng 1,5 – 2m $\times$ dài 1,5 – 2m. Với khối lượng heo chết không do dịch bệnh tại khu trại, chủ dự án xây dựng 01 hố hủy xác, có kết cấu bê tông cốt thép với thể tích 288m ³ /hố, kích thước 6m $\times$ 12m $\times$ 4m. Hố hủy xác có 04 ngăn, với thể tích mỗi ngăn là 72 m ³ , mỗi ngăn có 01 cửa, cửa được xây bằng gạch với kích thước 0,8m $\times$ 0,8m. Khi ngăn thứ nhất đầy thì công ty tiến hành bỏ xác heo vào ngăn thứ 2,3,4. Bề mặt hố hủy xác bố trí cửa kín có rắc vôi bột đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường.

		Heo chết do ngộ độc, còi cọc, bệnh thông thường ↓ Thu gom ↓ Hầm huỷ xác Thuyết minh quy trình xử lý: Heo chết không do dịch bệnh phát sinh từ dự án sẽ được chuyển ngay ra khu vực hồ huỷ xác. Khu vực huỷ xác: Khu vực huỷ xác được bố trí bên trong khu đất của dự án biệt lập và cách xa với khu vực chuồng nuôi. Quy trình xử lý huỷ xác: – Bước 1: Sau khi hoàn tất công tác bố trí và xây dựng hồ huỷ xác, tiến hành rải vôi bột làm lớp lót đáy của hồ huỷ xác. – Bước 2: Cho xác động vật cần tiêu huỷ xuống hố. – Bước 3: Rải một lớp vôi bột lên lớp xác vừa được đưa vào hố. Tuỳ theo số lượng xác để rải vôi bột. – Bước 4: Đóng cửa sau khi thực hiện các bước trên. Sau khi bị chét, xác động vật sẽ được phân huỷ tương tự quá trình vô cơ hoá chất hữu cơ trong tự nhiên, qua 05 giai đoạn
--	--	---

		máy. Độ mịn của thịt phụ thuộc vào kích thước của các lỗ của đụn xay.	phân hủy gồm tươi, trương trình, thối rửa mạnh, thối rửa sâu và hóa khô. – Bước 5: Phía ngoài khu vực hố huỷ xác, tạo một rãnh nước với kích thước: rộng 20 – 30cm và sâu 20 – 25 cm, có tác dụng dẫn nước mưa thoát ra ngoài, tránh ứ đọng nước quanh hố huỷ xác. – Bước 6: Trên bề mặt hố huỷ xác, rắc vôi bột với lượng 1kg/m² hoặc phun dung dịch chlorine nồng độ 2%, với lượng 0,2 – 0,25 lít/m² để hạn chế khả năng phát tán mùi và nguy cơ bệnh dịch nếu có trong quá trình thao tác. – Bước 7: Khi lượng xác heo tại hố 1 đầy, công ty tiến hành bỏ xác heo vào hố thứ 2 tương tự với hố 3,4. Trong thời khoảng 3 – 6 tháng thì xác heo tại hố 1 đã phân hủy và sẽ được đem đi bón cây, công ty sẽ tiếp tục bỏ xác heo vào hố 1, và tiếp tục như vậy cho hố thứ 2.
2	Công trình hồ nước thải sau xử lý	Hồ nuôi cá với kích thước 45m x 20m	Nước thải sau khi qua hồ sinh học được dẫn về Bồn lọc áp lực. Bồn lọc áp lực có nhiệm vụ khử chất rắn lơ lửng không lắng được và các chất hữu cơ còn lại trong nước trước khi dẫn ra hồ chứa nước thải sau xử lý với kích thước 30m x 18m x 6m. Nước sau hệ thống lọc dẫn ra hồ chứa nước sau xử lý. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 01-14:2010/BTNMT và QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột B sẽ được dùng để xịt rửa chuồng heo, chạy giàn mát và tưới cây trong khu vực dự án và các vườn cao su xung quanh.

Chương IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Dự án “Trang trại chăn nuôi heo nái Đồng Thành 2, quy mô 2.400 con heo nái sinh sản” chủ yếu phát sinh nước thải từ hoạt động sinh hoạt của công nhân làm việc tại trang trại và từ hoạt động chăn nuôi.

Công ty đầu tư xây dựng Hệ thống xử lý nước thải với công suất 200 m³/ngày để đảm bảo khả năng xử lý và lưu chứa nước thải tại Trang trại. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT, Cột B và QCVN 01-14:2010/BNNPTNT được tái sử dụng để tưới cây xanh trong khu vực dự án và các vườn cao su xung quanh, bao gồm: vườn cao su của ông Nguyễn Văn Dũng, ông Đinh Như Tiến Dũng, ông Đinh Như Mạnh Hùng và ông Lê Đức Chiến thuộc tiểu khu 221, Ban QLRPH Tà Thiết, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, Tỉnh Bình Phước (Biên bản thỏa thuận được đính kèm phần phụ lục) với tổng diện tích tưới là 55,8 ha.

- Nguồn phát sinh nước thải:
 - + Nguồn số 01: Nước thải từ hoạt động sinh hoạt của công nhân làm việc tại trang trại.
 - + Nguồn số 02: Nước thải từ hoạt động chăn nuôi.
- Lưu lượng xả nước thải tối đa: Khoảng 200 m³/ngày.đêm.
- Dòng nước thải: Có 2 dòng nước thải phát sinh chính trong hoạt động của trang trại: từ hoạt động sinh hoạt và từ hoạt động chăn nuôi.
- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:
 - + Nước thải sinh hoạt

Bảng 4.1. Tải lượng các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt (chưa qua xử lý)

STT	Chất ô nhiễm	Hệ số ô nhiễm của WHO (g/người.ngày)	Tải lượng (kg/ngày)
1	BOD ₅	45 - 54	2,25 - 2,7
2	COD (dicromate)	72 - 102	3,6 - 5,1
3	Chất rắn lơ lửng (SS)	70 - 145	3,5 - 7,25
4	Dầu mỡ phi khoáng	10 - 30	0,5 - 1,5
5	Tổng nitơ (N)	6 - 12	0,3 - 0,6
6	Amôni (N-NH ₄)	2,4 - 4,8	0,12 - 0,24

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Trang trại chăn nuôi heo nái Đồng Thành 2, quy mô 2.400 con heo nái sinh sản”

7	Tổng photpho (P)	0,8 - 4,0	0,04 – 0,2
8	Coliform (MNP/100ml)	$10^6 - 10^9$	$10^6 - 10^9$

Nguồn: Công ty TNHH Xây dựng và Môi trường Blue Galaxy, 2022

Bảng 4.2. Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt

STT	Chất ô nhiễm	Nồng độ các chất ô nhiễm (mg/l)		
		Không xử lý	Xử lý bằng bể tự hoại	QCVN 14:2008/BTNMT
1	BOD ₅	1000 – 1.200	400 – 480	60
2	COD (dicromate)	1.600 – 2.267	640 – 907	-
3	Chất rắn lơ lửng (SS)	1.556 – 3.222	622 – 1.289	120
4	Dầu mỡ phi khoáng	222 – 667	89 – 267	24
5	Tổng nitơ (N)	133 – 267	53 – 107	-
6	Amôni (N-NH ₄)	53 – 107	21 – 43	12
7	Tổng photpho (P)	18 – 89	7 – 36	12
8	Coliform (MNP/100ml)	$10^6 - 10^9$	$10^4 - 10^7$	5.000

Nguồn: Công ty TNHH Xây dựng và Môi trường Blue Galaxy, 2022

Ghi chú:

- QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt (Hệ số tính tới quy mô loại hình cơ sở dịch vụ: K = 1,2);

Nhận xét: So sánh nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt đã qua xử lý bằng bể tự hoại với Quy chuẩn, tiêu chuẩn nước thải (QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, K = 1,2) cho thấy hầu hết các chỉ tiêu đều có hàm lượng vượt quy chuẩn cho phép. Do đó, cần phải xử lý bằng bể tự hoại và có biện pháp quản lý, thu gom và xử lý phù hợp tránh gây ô nhiễm môi trường xung quanh.

+ Nước thải chăn nuôi

Bảng 4.3. Tải lượng các chất ô nhiễm của nước thải chăn nuôi heo

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Nồng độ	QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột B; K _q =0,9; K _f = 1,1
01	pH	-	7,47 – 8,34	5,5 – 9
02	BOD ₅	mg/L	762 – 1.497	100
03	COD	mg/L	1.173 – 2.303	300
04	TSS	mg/L	779 – 1.474	150
05	Tổng nitơ (N)	mg/L	234 – 272	150
06	Tổng Photpho (P)	mg/L	14,3 – 64	-
07	Coliform	MPN/100ml	10×10 ⁷	5000

Nguồn: Công ty TNHH Xây dựng và Môi trường Blue Galaxy, 2022

Kết quả cho thấy nồng độ các chất ô nhiễm tại trại chăn nuôi heo trước khi vào bể biogas với nồng độ các chất ô nhiễm khá cao, vượt quá so với Quy chuẩn cho phép.

Với nồng độ và tải lượng các chất ô nhiễm được tính toán như trên chủ dự án xây dựng hầm biogas để xử lý trước khi đưa hệ thống nước thải tập trung, công nghệ tốt nhất với loại hình chăn nuôi này là xử lý bằng phương pháp sinh học. Nước thải sau khi xử lý được sử dụng để tưới tiêu cho cây trồng.

- Vị trí, phương thức xả thải và nguồn tiếp nhận nước thải:
 - + Vị trí xả thải: Tại hồ chứa nước thải sau xử lý của HTXLNT.
 - + Tọa độ vị trí nguồn tiếp nhận: X: 1.295.175; Y: 522.128
 - + Phương thức xả thải: Xả cưỡng bức bằng cách dùng bơm nước đã được xử lý từ bể khử trùng
 - + Chế độ xả thải: 24/24
 - + Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau khi xử lý sẽ được tận dụng lại cho việc tưới cây khu vực xung quanh trang trại và vệ sinh chuồng trại trong khu vực dự án.
- Tất cả các nguồn tiếp nhận và khu vực xả thải chứa nước đều tuân theo ĐTM phê duyệt số 1949/QĐ-UBND ngày 09/08/2017.

Chương V

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm nước thải

Trong quá trình vận hành, dự án phát sinh nước thải. Nước thải từ quá trình sinh hoạt của công nhân trang trại với lưu lượng 4,6 m³/ngày và lượng nước thải phát sinh từ chuồng trại vào khoảng 154,5 m³/ngày.

– Lượng nước thải nước thải của công nhân trang trại sẽ được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn sau đó đầu nối trực tiếp vào hệ thống xử lý nước thải công suất 200m³/ngày.đêm.

– Lượng nước thải phát sinh từ chuồng trại sẽ được thu gom và xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải công suất 200 m³/ngày.đêm.

Bên cạnh đó, quá trình vận hành chủ yếu phát sinh bụi từ các hoạt động giao thông vận chuyển nguyên liệu, thức ăn gia súc; khí thải từ máy phát điện dự phòng; bụi do quá trình nhập nguyên liệu vào kho và lưu trữ; hoạt động phối trộn thức ăn cho heo. Lượng bụi này được thu gom và xử lý bằng thiết bị lọc tay áo tại chỗ, không có ống thoát, ống thải ra môi trường. Nên báo cáo không đề xuất vận hành thử nghiệm với công trình xử lý khí thải.

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Thời gian dự kiến lấy mẫu nước của hệ thống xử lý nước thải: 25/07/2022 - 27/07/2022.

Vị trí lấy mẫu, số lượng mẫu, chỉ tiêu phân tích, quy chuẩn so sánh: QCVN 62-MT:2016/BTNMT, Cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi và QCVN 01-14:2010/BNNPTNT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện chăn nuôi lợn an toàn sinh học được tái sử dụng vệ sinh chuồng trại và tưới cây được trình bày cụ thể như bảng sau:

Bảng 5.1. Thời gian dự kiến lấy mẫu nước giai đoạn vận hành thử nghiệm

STT	Vị trí lấy mẫu	Thông số phân tích	Số mẫu/1 hệ thống	Thời gian lấy mẫu
Lấy mẫu từng công đoạn: 1ngày/lần từ khi bắt đầu vận hành thử nghiệm đến hết ngày 27/07/2022 (lấy mẫu tổ hợp sáng – trưa – chiều), trại lấy mẫu như sau:				
1	Nước thải đầu vào tại bể thu gom	COD, BOD ₅ , Tổng chất rắn lơ lửng, Tổng nitơ	3	25/07/2022-27/07/2022
2	Nước thải đầu ra tại hồ chứa nước sau xử lý	pH, BOD ₅ , COD, Tổng chất rắn lơ lửng, Tổng Nitơ, Tổng Coliform, Coli phân, Salmonella	3	25/07/2022-27/07/2022

❖ Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch:

(1) Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt (DVE):

- Địa chỉ liên hệ: 4C1, KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q12, Tp.HCM
- Điện thoại: (028) 37010199 Fax: (028) 37010198
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động quan trắc môi trường số hiệu VIMCERTS 066 theo Quyết định số 1695/QĐ-BTNMT ngày 28/05/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

(2) Công ty Cổ phần dịch vụ tư vấn môi trường Hải Âu:

- Địa chỉ liên hệ: 40/7 đông hưng thuận 14B, phường Đông Hưng Thuận, quận 12, Tp.HCM.
- Điện thoại: (028) 3816 4421 Fax: (028) 3816 4437
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động quan trắc môi trường số hiệu VIMCERTS117 theo Quyết định số 384/QĐ-BTNMT ngày 21/02/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

(3) Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường:

- Địa chỉ: Quốc lộ 14, P. Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.
- Tel/Fax: 02713. 885586.
- Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường đảm bảo đủ năng lực lấy và phân tích mẫu nước theo Quyết định số 1391/QĐ-BTNMT ngày 03/06/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

(4) Công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh:

– Địa chỉ trụ sở chính công ty: 528/5A Vườn Lai, KP2, P.An Phú Đông, Quận 12, Tp. HCM.

– Địa chỉ phòng thí nghiệm: 1527/5A Vườn Lai, KP2, P.An Phú Đông, Quận 12, Tp. HCM.

– Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động quan trắc môi trường số hiệu VIMCERTS 241 theo Quyết định số 883/QĐ-BTNMT ngày 11/04/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn vận hành (khi dự án đi vào vận hành thương mại)

Bảng 5.2 Chương trình quan trắc trong giai đoạn vận hành đề xuất trong báo cáo ĐTM

STT	Nội dung giám sát	Vị trí giám sát	Thông số	Tần suất
1	Không khí	- Mỗi khu trại 01 điểm trong khu vực chuồng heo.	- Tiếng ồn, bụi, nhiệt độ, NO _x , SO _x , NH ₃ , H ₂ S	03 tháng/lần
2	Nước ngầm	- Tại mỗi khu trại giám sát 01 vị trí tại giếng khoan khu vực dự án	- pH, độ cứng, TDS, Fe tổng, Nitrat, Nitrit, Cl ⁻ , amoni Tổng Coliforms	06 tháng/lần
3	Nước thải	- 01 vị trí đầu vào tại bể thu gom của HT XLNT, 01 vị trí đầu ra tại hồ chứa nước thải sau xử lý HT XLNT của trang trại	- Lưu lượng, pH, TSS, BOD5, COD, tổng Nito, Tổng coliform, Coli phân, Samonella.	03 tháng/lần
4	CTR sinh hoạt, CTR thông thường và CTR nguy hại	- Khu vực lưu giữ CTR sinh hoạt, CTR thông thường và CTR nguy hại.	- Khối lượng, thành phần và chứng từ giao nhận.	Thường xuyên, liên tục; định kỳ báo cáo với cơ quan chức năng theo đúng qui định

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải (không có).

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Chủ đầu tư sẽ dành một khoản kinh phí hàng năm cho công việc giám sát chất lượng môi trường trong suốt quá trình hoạt động. Kinh phí dùng trong công tác giám sát môi trường được căn cứ trên đơn giá theo Thông tư liên tịch Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường và Thông tư 231/2009/TT-BTC ngày 25/09/2002 của Bộ Tài chính về Quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí trong tiêu chuẩn đo lường chất lượng cụ thể như sau:

Bảng 5.3. Dự toán kinh phí giám sát môi trường

Nội dung giám sát	Đơn giá	Số lượng và địa điểm	Tổng chi phí
a. Tiếng ồn và không khí, bụi, ồn, rung			
<u>Các thông số:</u>			
Tiếng ồn	120.000 đ/mẫu	01 điểm x 4 lần/năm 01 điểm x 2 lần/năm	960.000đ
Bụi	60.000 đ/mẫu	01 điểm x 4 lần/năm 01 điểm x 2 lần/năm	480.000đ
Nhiệt độ, NO _x , SO _x , CO, VOC, NH ₃ , CH ₄ , H ₂ S	650.000 đ/mẫu	01 điểm x 4 lần/năm 01 điểm x 2 lần/năm	5.200.000đ
b. Nước thải			
<u>Các thông số:</u>			
Nước thải sinh hoạt: pH, BOD ₅ , TSS, TDS, Sunfua, Amoni, Nitrat, Photphat, Tổng Coliform	1.120.000 đ/mẫu	01 điểm x 4 lần/năm	4.480.000đ
Nước thải chăn nuôi: lưu lượng, pH, TDS, DO, SO ₄ ²⁻ , Tổng Photpho, Coliform, Amoni, Zn, Mn, Cu, Mg, E.coli, salmonella	1.480.000 đ/mẫu	02 điểm x 4lần/năm	5.920.000đ
c. Nước ngầm pH, Độ cứng, Fe ^{tc} , Mn, Al, Ca, độ đục, dầu mỡ, Coliform	1.200.000 đ/mẫu	01 điểm x 2 lần/năm	2.400.000đ
d. Đất pH, Cd, As, Cd, Pb, Cu, Zn, tổng N, tổng P, Tổng Fe.	2.100.000 đ/mẫu	02 điểm x 2 lần/năm	8.400.000đ
e. Giám sát khác		2 lần/năm	1.000.000đ
TỔNG			27.320.000đ

Nguồn: Công ty TNHH Xây dựng và Môi trường Blue Galaxy, 2022

Chi phí cho việc đo đạc này có thể thay đổi tùy thuộc vào đơn giá thực tế.

Chương VI

CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Chúng tôi cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan như sau:

Thực hiện đúng Luật Bảo vệ môi trường 2020; các Nghị định, thông tư, văn bản pháp quy hiện hành có liên quan đến hoạt động của Dự án;

Cam kết thực hiện các chương trình quản lý và quan trắc môi trường và gửi báo cáo đến các cơ quan có chức năng theo quy định;

Trong trường hợp xảy ra sự cố, rủi ro và ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến khu vực xung quanh, chủ dự án cam kết đền bù thiệt hại do sự cố mà hoạt động dự án gây ra, khắc phục và phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật.

Cam kết thực hiện các biện pháp quản lý và xử lý chất thải phát sinh như sau:

– Trong quá trình hoạt động dự án, chủ dự án cam kết: các nguồn thải được kiểm soát chặt chẽ, nồng độ các chất ô nhiễm phát thải vào môi trường phải đạt theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

– Đối với Chương trình giám sát môi trường: Chủ dự án cam kết sẽ thực hiện Báo cáo kết quả hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường và thực hiện quan trắc chất thải định kỳ với tần suất 03 tháng/lần (được tích hợp trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ) gửi cơ quan chức năng.

Chủ dự án sẽ chịu trách nhiệm trước Pháp luật nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam nếu vi phạm các công ước quốc tế, các tiêu chuẩn Việt Nam nếu xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường.

Chúng tôi bảo đảm về độ trung thực của các thông tin, số liệu, tài liệu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường này, kể cả các tài liệu đính kèm. Nếu có sai phạm, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Chúng tôi xin gửi kèm theo dưới đây Phụ lục các hồ sơ, văn bản có liên quan đến dự án.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đồng Thành

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3603288714-001 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 06/10/2015.
- Địa chỉ trụ sở chính: số nhà 229, quốc lộ 14, ấp 4, xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

CO 195697

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

- a) Thửa đất số: , tờ bản đồ số:
b) Địa chỉ: xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước
c) Diện tích: 108.902,0 m², (bằng chữ: một trăm lẻ tám nghìn chín trăm lẻ hai mét vuông)
d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
đ) Mục đích sử dụng: Đất nông nghiệp khác
e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 20/7/2067
g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần.

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác:

- a) Địa chỉ: xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước
b) Loại công trình: Trang trại chăn nuôi heo nái Đồng Thành 2
c) Thông tin về hạng mục công trình:

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn (m ²) hoặc công suất	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu
01. Hồ sát trùng xe (01 hồ)	28,0	28,0	Sở hữu riêng	IV	-/-
02. Nhà bảo vệ (01 nhà)	16,0	16,0	Sở hữu riêng	IV	-/-
03. Nhà để xe (01 nhà)	75,0	75,0	Sở hữu riêng	IV	-/-
04. Nhà kỹ thuật (01 nhà)	210,0	210,0	Sở hữu riêng	IV	-/-
05. Nhà công nhân số 1 (01 nhà)	408,0	408,0	Sở hữu riêng	IV	-/-
06. Nhà công nhân số 2 (01 nhà)	153,0	153,0	Sở hữu riêng	IV	-/-
07. Nhà ăn, bếp nấu ăn (01 nhà)	144,5	144,5	Sở hữu riêng	IV	-/-
08. Nhà phơi đồ (01 nhà)	32,0	32,0	Sở hữu riêng	IV	-/-
09. Nhà điều hành (01 nhà)	217,0	217,0	Sở hữu riêng	IV	-/-
10. Nhà sát trùng xe (01 nhà)	112,0	112,0	Sở hữu riêng	IV	-/-
11. Nhà chờ xuất heo (01 nhà)	140,0	140,0	Sở hữu riêng	IV	-/-
12. Nhà nghỉ trưa (01 nhà)	108,0	108,0	Sở hữu riêng	IV	-/-
13. Nhà máy phát điện (01 nhà)	91,0	91,0	Sở hữu riêng	IV	-/-
14. Kho để dụng cụ, kho vôi (01 nhà)	91,0	91,0	Sở hữu riêng	IV	-/-
15. Kho cám heo (01 nhà)	70,0	70,0	Sở hữu riêng	IV	-/-
16. Bể nước heo uống, tháp nước (01 bể)	81,0	81,0	Sở hữu riêng	IV	-/-
17. Bể nước xịt rửa chuồng, tháp nước (01 bể)	81,0	81,0	Sở hữu riêng	IV	-/-
18. Lò đốt xác (01 nhà)	8,0	8,0	Sở hữu riêng	IV	-/-
19. Hồ hủy xác (01 hồ)	72,0	72,0	Sở hữu riêng	IV	-/-
20. Nhà để rác (02 nhà)	40,0	40,0	Sở hữu riêng	IV	-/-
21. Nhà để phân (01 nhà)	50,0	50,0	Sở hữu riêng	IV	-/-
22. Nhà ủ phân (01 nhà)	50,0	50,0	Sở hữu riêng	IV	-/-
23. Nhà heo nái đẻ (06 nhà)	5.580,0	5.580,0	Sở hữu riêng	IV	-/-
24. Nhà heo mang thai (04 nhà)	5.520,0	5.520,0	Sở hữu riêng	IV	-/-
25. Nhà heo nọc (01 nhà)	535,0	535,0	Sở hữu riêng	IV	-/-
26. Nhà heo cách ly số 1 (01 nhà)	600,0	600,0	Sở hữu riêng	IV	-/-
27. Nhà heo cách ly số 2 (01 nhà)	375,0	375,0	Sở hữu riêng	IV	-/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú: -/-

Bình Phước, ngày 29 tháng 11 năm 2018

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÌNH PHƯỚC

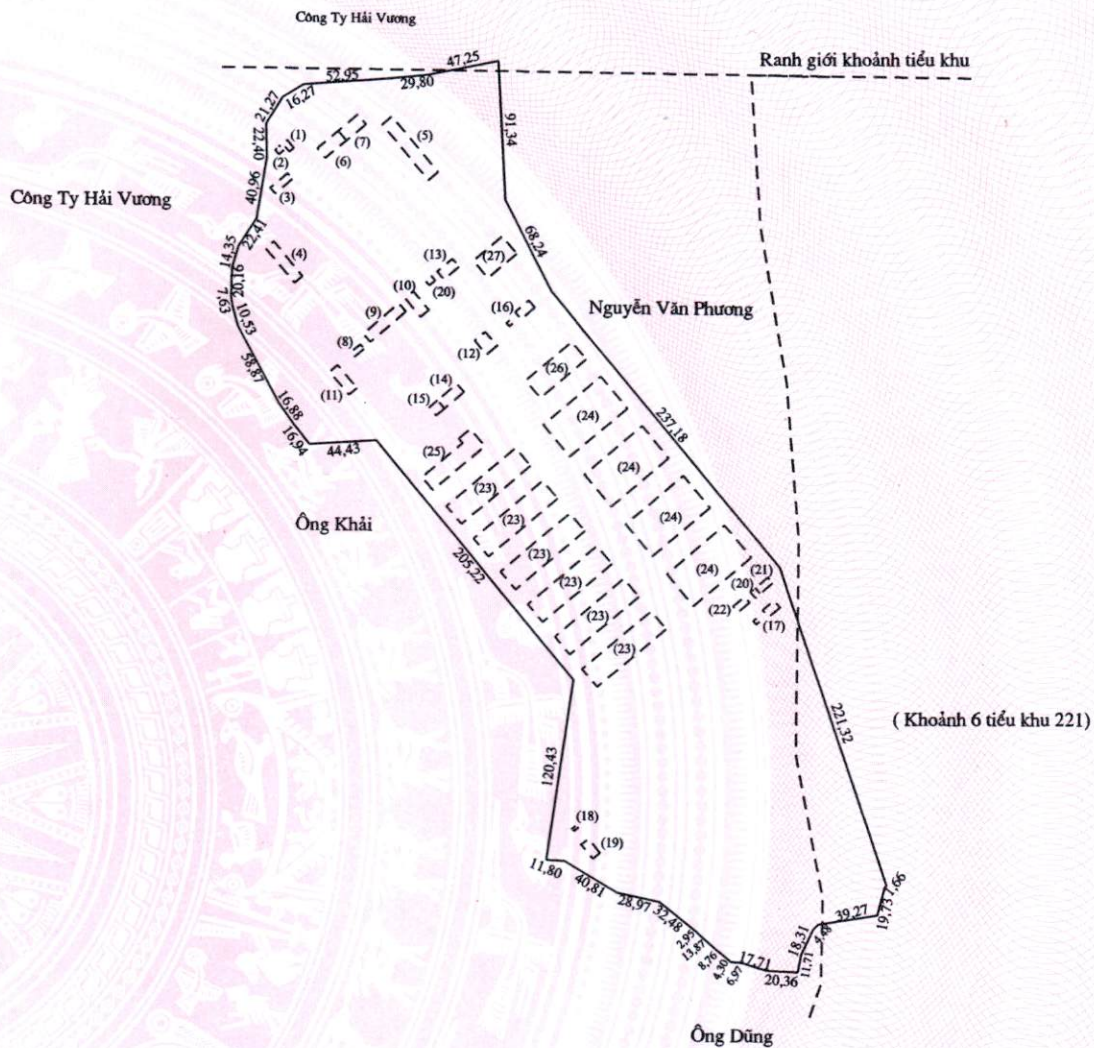
GIÁM ĐỐC



Lê Hoàng Lâm

Số vào sổ cấp GCN: CT...11130.....

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

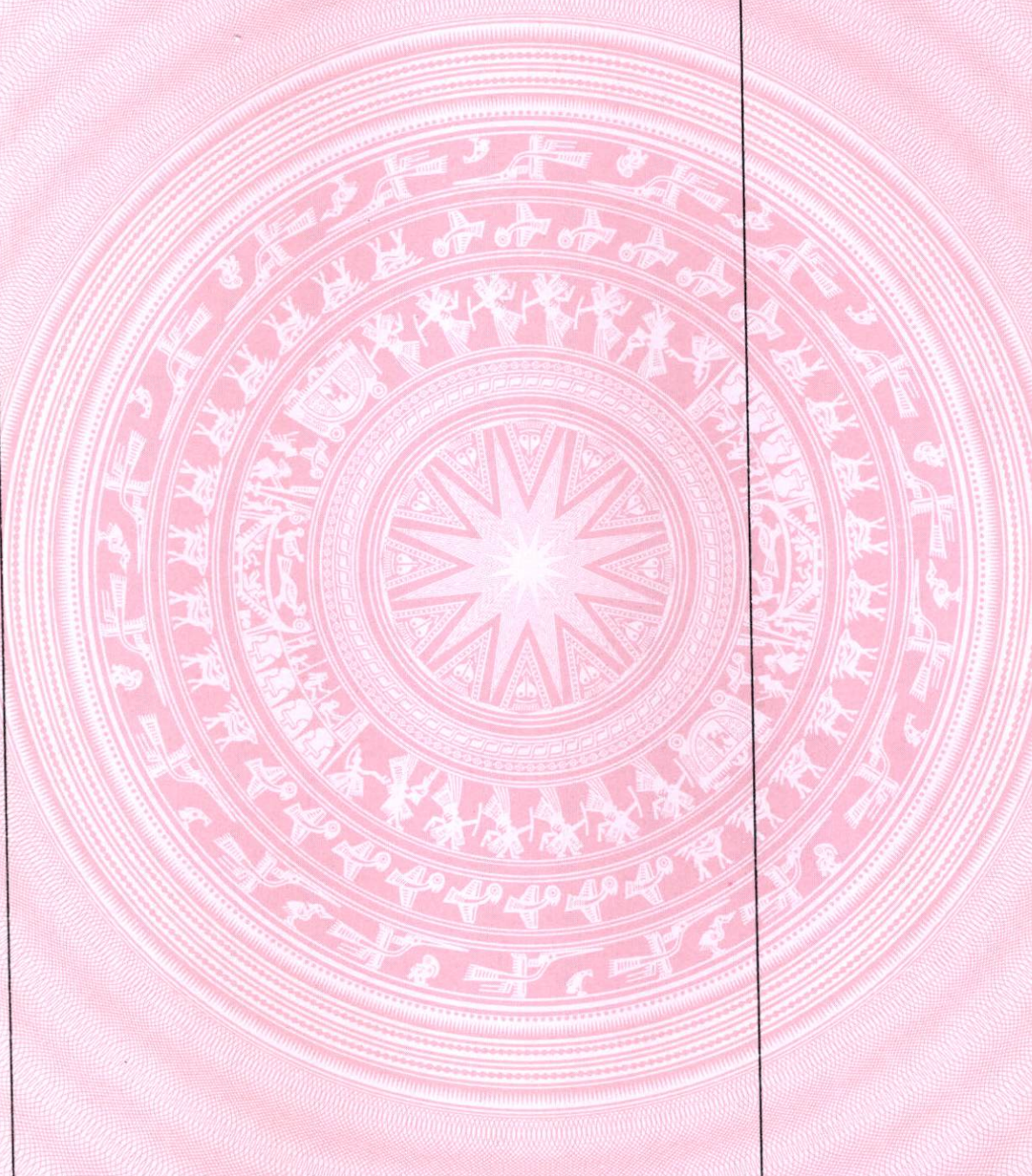


Sơ đồ đất tỷ lệ 1:5.000, sơ đồ công trình phi tỷ lệ

IV. Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
	

Kiểm tra hồ sơ số 2823.1.

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



7 0 2 5 3 0 5 1 8 0 0 4 4 7 0

(Mặt sau trang bổ sung)

[illegible]

TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Thửa đất số:

Tờ bản đồ số:

Số phát hành GCN: CO 195698

Số vào sổ cấp GCN: CT 1130

[illegible]

Trang bổ sung này luôn phải đính kèm Giấy chứng nhận mới có giá trị pháp lý:

Trang bổ sung số: 2823

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thu hồi và cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,
quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đồng Thành.**

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Căn cứ Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 11/2015/QĐ-UBND ngày 28/5/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1853/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Công văn số 2518/SXD-QLN ngày 22/10/2018 của Sở Xây dựng tỉnh Bình Phước về việc xác nhận công trình xây dựng của Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đồng Thành;



Xét đề nghị của Văn phòng Đăng ký đất đai tại Tờ trình số 473/TTr-VPĐKKĐ ngày 22/11/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi và cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (gọi tắt là GCNQSD đất) cho Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đồng Thành, cụ thể như sau:

1. Thu hồi GCNQSD đất số vào sổ CT 10234 (số seri CL 849721) ngày 19/12/2017 do Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đồng Thành.

Lý do thu hồi: Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đồng Thành đề nghị chứng nhận quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và cấp đổi GCNQSD đất.

2. Cấp đổi GCNQSD đất với diện tích 108.902,0 m² (*một trăm lẻ tám ngàn chín trăm lẻ hai mét vuông*) cho Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đồng Thành.

- Khu đất tọa lạc tại: xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

- Vị trí, ranh giới khu đất: Được thể hiện theo sơ đồ thửa đất tại trang 03 của GCNQSD đất số seri CO 195697.

- Mục đích sử dụng: Đất nông nghiệp khác.

- Thời hạn thuê đất: Đến ngày 20/7/2067.

- Hình thức thuê đất: Trả tiền một lần.

- Nguồn gốc đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần (thuộc đất của Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đồng Thành được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp GCNQSD đất số vào sổ CT 10234 (số seri CL 849721) ngày 19/12/2017).

- Tài sản gắn liền với đất: (*Có biểu chi tiết kèm theo*).

Điều 2. Sau khi có Quyết định cấp đổi GCNQSD đất, các cơ quan, đơn vị sau đây có trách nhiệm:

1. Văn phòng Đăng ký đất đai:

- Thu hồi bản chính GCNQSD đất số vào sổ CT 10234 (số seri CL 849721) và chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định.

- Trao GCNQSD đất cho Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đồng Thành sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định.

2. Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đồng Thành:

- Chấp hành đúng các quy định về quản lý, sử dụng đất.

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính theo quy định.

3. Văn phòng Sở: Chỉ đạo đơn vị chuyên môn đưa Quyết định này lên cổng thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng Sở, Chi cục trưởng Chi cục Quản lý Đất đai, Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai, Chủ tịch UBND huyện Lộc Ninh, Chủ tịch UBND xã Lộc Thịnh, Giám đốc Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đồng Thành và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./. *m*

Nơi nhận: *Sum*

- VP UBND tỉnh;
- Sở Xây dựng;
- Trung tâm Hành chính công;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, CCQLDD.

Mue



Lê Hoàng Lâm



**THÔNG TIN TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT ĐƯỢC CHỨNG NHẬN QUYỀN SỞ HỮU
CHO CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐỒNG THÀNH**

(Kèm theo Quyết định số 844/QĐ-STNMT ngày 29 tháng 11 năm 2018
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước)

TT	Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn (m ²)	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu
1	Hố sát trùng xe (01 hố)	28,0	28,0	Sở hữu riêng	IV	-/-
2	Nhà bảo vệ (01 nhà)	16,0	16,0	Sở hữu riêng	IV	-/-
3	Nhà để xe (01 nhà)	75,0	75,0	Sở hữu riêng	IV	-/-
4	Nhà kỹ thuật (01 nhà)	210,0	210,0	Sở hữu riêng	IV	-/-
5	Nhà công nhân số 1 (01 nhà)	408,0	408,0	Sở hữu riêng	IV	-/-
6	Nhà công nhân số 2 (01 nhà)	153,0	153,0	Sở hữu riêng	IV	-/-
7	Nhà ăn, bếp nấu ăn (01 nhà)	144,5	144,5	Sở hữu riêng	IV	-/-
8	Nhà phơi đồ (01 nhà)	32,0	32,0	Sở hữu riêng	IV	-/-
9	Nhà điều hành (01 nhà)	217,0	217,0	Sở hữu riêng	IV	-/-
10	Nhà sát trùng xe (01 nhà)	112,0	112,0	Sở hữu riêng	IV	-/-
11	Nhà chờ xuất heo (01 nhà)	140,0	140,0	Sở hữu riêng	IV	-/-
12	Nhà nghỉ trưa (01 nhà)	108,0	108,0	Sở hữu riêng	IV	-/-
13	Nhà máy phát điện (01 nhà)	91,0	91,0	Sở hữu riêng	IV	-/-
14	Kho để dụng cụ, kho vôi (01 nhà)	91,0	91,0	Sở hữu riêng	IV	-/-
15	Kho cám heo (01 nhà)	70,0	70,0	Sở hữu riêng	IV	-/-
16	Bể nước heo uống, tháp nước (01 bể)	81,0	81,0	Sở hữu riêng	IV	-/-
17	Bể nước xịt rửa chông, tháp nước (01 bể)	81,0	81,0	Sở hữu riêng	IV	-/-
18	Lò đốt xác (01 nhà)	8,0	8,0	Sở hữu riêng	IV	-/-
19	Hố hủy xác (01 hố)	72,0	72,0	Sở hữu riêng	IV	-/-
20	Nhà để rác (02 nhà)	40,0	40,0	Sở hữu riêng	IV	-/-
21	Nhà để phân (01 nhà)	50,0	50,0	Sở hữu riêng	IV	-/-
22	Nhà ủ phân (01 nhà)	50,0	50,0	Sở hữu riêng	IV	-/-
23	Nhà heo nái đẻ (06 nhà)	5.580,0	5.580,0	Sở hữu riêng	IV	-/-
24	Nhà heo mang thai (04 nhà)	5.520,0	5.520,0	Sở hữu riêng	IV	-/-
25	Nhà heo nọc (01 nhà)	535,0	535,0	Sở hữu riêng	IV	-/-
26	Nhà heo cách ly số 1 (01 nhà)	600,0	600,0	Sở hữu riêng	IV	-/-
27	Nhà heo cách ly số 2 (01 nhà)	375,0	375,0	Sở hữu riêng	IV	-/-
Tổng		14.887,5	14.887,5			

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
CHI NHÁNH**

Mã số chi nhánh: 3603288714-001

Đăng ký lần đầu: ngày 06 tháng 10 năm 2015

Đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 03 tháng 01 năm 2019

1. Tên chi nhánh:

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐỒNG THÀNH

Tên chi nhánh viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên chi nhánh viết tắt:

2. Địa chỉ:

Số nhà 229, Quốc lộ 14, Ấp 4, Xã Đồng Tiến, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Điện thoại: 0616.522.228 - 0967.222.599

Fax:

Email:

Website:

3. Thông tin về người đứng đầu:

Họ và tên: **NGUYỄN BÁ CHUYỀN**

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: *02/03/1976* Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *272311910*

Ngày cấp: *03/04/2009* Nơi cấp: *CA. Đồng Nai*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 12/E3, Khu phố 1, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 12/E3, Khu phố 1, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam*

4. Hoạt động theo ủy quyền của doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐỒNG THÀNH**

Mã số doanh nghiệp: **3603288714**

Địa chỉ trụ sở chính: *Số 71/18/41, KP 1, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam*



Nguyễn Duy Hải

Số: 19 /GP-UBND

Bình Phước, ngày 27 tháng 4 năm 2022

GIẤY PHÉP KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 24/2016/TT-BTNMT ngày 09/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BTNMT ngày 14/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 1327/QĐ-UBND ngày 24/5/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Danh mục vùng hạn chế khai thác nước dưới đất và Danh mục khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 160/TTr-STNMT ngày 13/4/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đồng Thành (Địa chỉ: số 71/18/41, khu phố 1, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai) được khai thác nước dưới đất với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Mục đích khai thác, sử dụng nước: Phục vụ cho hoạt động chăn nuôi, sinh hoạt và tưới cây xanh của Trang trại chăn nuôi heo nái Đồng Thành 2, quy mô 2.400 con thuộc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đồng Thành.

2. Vị trí công trình khai thác nước dưới đất: Ấp Tà Thiết, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước (công trình khai thác nước dưới đất được xây dựng trên khu đất của Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đồng Thành, được UBND tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19/12/2017, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CT 10234). Công trình khai thác nước

dưới đất không nằm trong Danh mục vùng hạn chế khai thác nước dưới đất đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1327/QĐ-UBND ngày 24/5/2021.

3. Tầng chứa nước khai thác: Tầng chứa nước khe nứt Permi trên - Trias dưới (p_3-t_1).

4. Tổng số giếng khai thác: Bốn (04) giếng khoan G1, G2, G3 và G4 (trong đó 02 giếng khoan khai thác, 02 giếng khoan dự phòng).

5. Chế độ khai thác: 365/365 ngày.

6. Tổng lượng nước khai thác: 172 m³/ngày đêm (155,5 m³/ngày đêm dùng cho chăn nuôi, 5,6 m³/ngày đêm dùng cho sinh hoạt, 10,9 m³/ngày đêm dùng cho tưới cây xanh).

7. Thời hạn khai thác: Năm (05) năm.

Vị trí tọa độ, lưu lượng và các thông số của công trình cụ thể như sau:

Số hiệu	Tọa độ (VN2000, kinh tuyến trục 106 ⁰ 15', múi chiều 3 ⁰)		Lưu lượng (m ³ /ngày đêm)	Chế độ khai thác (giờ/ngày đêm)	Chiều sâu đoạn thu nước (m)		Chiều sâu mực nước tĩnh (m)	Chiều sâu mực nước động lớn nhất cho phép (m)	Tầng chứa nước khai thác
	X	Y			Từ	Đến			
G1	5.24.194	12.96.311	86	17	30	60	23	45,33	p_3-t_1
G2	5.23.979	12.96.406	86	17	30	60	23	45,33	
G3	5.24.213	12.96.123	Dự phòng		30	60	23	45,33	
G4	5.24.194	12.95.997	Dự phòng		30	60	23	45,33	

Điều 2. Các yêu cầu cụ thể đối với Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đồng Thành:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này; nếu thay đổi nội dung quy định tại Điều 1 phải được cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản.

2. Thực hiện việc quan trắc mực nước, lưu lượng, chất lượng nước trong quá trình khai thác theo quy định.

3. Thiết lập vùng bảo hộ vệ sinh của công trình khai thác theo quy định.

4. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực cấp nước theo quy định.

5. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 43 Luật Tài nguyên nước.

6. Hằng năm (trước ngày 30 tháng 01 của năm tiếp theo), tổng hợp báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường về tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; các kết quả quan trắc theo quy định.

7. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước.

8. Thực hiện trách nhiệm của Công ty theo quy định tại Điều 08 Thông tư số 24/2016/TT-BTNMT ngày 09/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt.

Điều 3. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đồng Thành được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 43 Luật Tài nguyên nước và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi Giấy phép hết hạn, nếu Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đồng Thành còn tiếp tục khai thác, sử dụng nước dưới đất thì phải làm thủ tục gia hạn Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất theo quy định./.

Nơi nhận:

- Cục Quản lý Tài nguyên nước;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Thuế tỉnh Bình Phước;
- UBND huyện Lộc Ninh;
- Công ty CPĐT XD Đồng Thành;
- Lãnh đạo VP, P. KT;
- Lưu: VT_(BH-10-GPKTN-25/4).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Huỳnh Anh Minh

Bình Phước, ngày 09 tháng 11 năm 2017

**SỞ ĐĂNG KÝ
CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI**

Mã số QLCTNH: 70.000283.T
(Cấp lần đầu)

I. Thông tin chung về chủ nguồn thải CTNH:

Tên chủ nguồn thải: Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Đồng Thành.

Địa chỉ văn phòng/trụ sở chi nhánh: số 299, quốc lộ 14, ấp 4, xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Điện thoại: 061.652.2228

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 3603288714-001, cấp lần đầu ngày 06/10/2015.

Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước.

II. Nội dung đăng ký:

Chủ nguồn thải CTNH đã đăng ký cơ sở phát sinh chất thải nguy hại kèm theo Danh sách chất thải nguy hại tại Phụ lục kèm theo.

III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải:

1. Tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường có liên quan.
2. Thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại Điều 7 của Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

IV. Điều khoản thi hành:

Sổ đăng ký này có giá trị sử dụng cho đến khi cấp lại hoặc chấm dứt hoạt động./.

Nơi nhận:

- Chi nhánh Công ty CPĐT-XD Đồng Thành;
- GD, PGD Sở;
- Lưu: CCBVMT.

(Chữ ký)



Nguyễn Pong Đoàn

**PHỤ LỤC**

(Kèm theo Sổ đăng ký chất thải CTNH có mã số QLCTNH 70.000283.T do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 05 tháng 11 năm 2017)

1. Cơ sở phát sinh CTNH

Tên: Trại chăn nuôi heo nái Đồng Thành 2, quy mô 2.400 con

Địa chỉ: ấp Tà Thiết, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Điện thoại: 061.652.2228

Email: xddongthanh@gmail.com

2. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên (ước tính)

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	02	08 02 04
2	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	Rắn	270	13 02 01
3	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	20	16 01 06
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải (từ máy phát điện dự phòng, xe tải, xe bồn...)	Lỏng	150	17 02 03
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa (thùng, can nhựa chứa dầu nhớt, hóa chất thải)	Rắn	150	18 01 03
6	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	50	18 02 01
7	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	50	19 06 01
Tổng số lượng			692	

3. Danh sách chất thải nguy hại đăng ký tự tái sử dụng, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH tại cơ sở (nếu có): không có



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI
TRƯỜNG THẢO DƯƠNG
XANH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

-----o0o-----

Bình Phước, ngày 01 tháng 06 năm 2020

Số: 46/2020/HĐXL-TDX

HỢP ĐỒNG XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Hôm nay, chúng tôi đứng tên dưới đây gồm có:

BÊN A : **CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI C.P. VIỆT NAM- CN 3 TẠI ĐỒNG NAI**
Địa chỉ : Khu Công nghiệp Biên Hòa 2, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Điện thoại : (02513)836.251-8 Fax: (02513).838.368
Mã số thuế : 3600224423016
Do ông : JIRAWIT RACHATANAN Chức vụ: Phó Tổng giám đốc làm đại diện.

BÊN B : **CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THẢO DƯƠNG XANH**
Địa chỉ : ấp Xa Lách, xã Tân Quan, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước
Điện thoại : 02713.708.900 - Fax: 02713.708.900
Mã số thuế : 3800.769.008
Do ông : **LÊ TUẤN ĐÔNG**. Chức vụ: **Tổng giám đốc**, làm đại diện.
Tài khoản số : 117000132226 tại Vietinbank PGD Hớn Quản Bình Phước

Các bên cùng thỏa thuận ký kết hợp đồng với các điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG VÀ THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

1.1. Nội dung hợp đồng

- Bên A đồng ý giao cho bên B thực hiện việc thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý các loại chất thải nguy hại và công nghiệp phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất tại các trang trại chăn nuôi heo của bên A (sau đây gọi tắt là "Trang trại"), các chất thải từ trang trại của bên A được đưa về xử lý tại nhà máy bên B (ấp Xa Lách, xã Tân Quan, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước) theo đúng quy chuẩn kỹ thuật mà bên B đã được cơ quan quản lý môi trường cấp phép hành nghề căn cứ vào quy định của pháp luật Việt Nam.

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Phương án xử lý
01	Hộp mực máy in thải	Rắn	08 02 04	PT-TĐ
02	Chất thải cố thành phần lây nhiễm (kim tiêm)	Rắn	13 02 01	TĐ
03	Bóng đèn thải	Rắn	16 01 06	Nghiên-CL
04	Giẻ lau dính dầu nhớt thải	Rắn	18 02 01	TĐ
05	Pin, ắc quy thải	Rắn	19 06 01	PT-TH-OH-TĐ
06	Chất thải nguy hại từ phát sinh từ quá trình vệ sinh chuồng trại	Rắn	14 02 02	TĐ

1.2. Thời hạn hợp đồng

Hợp đồng này có thời hạn là 01 (một) năm tính từ ngày Hợp đồng có hiệu lực.

ĐIỀU 2: THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM TIẾP NHẬN VÀ ĐƠN GIÁ XỬ LÝ CHẤT THẢI.

2.1 Thời gian và địa điểm tiếp nhận chất thải:

Bên B sẽ tiến hành thu gom theo định kỳ 1 năm/ lần/trại hoặc theo định kỳ các bên tự thông báo cho nhau.
Địa điểm tiếp nhận chất thải: các trang trại của công ty cổ phần chăn nuôi C.P. Việt Nam. Số lượng Trang Trại do Bên A quy định và có hiệu lực tại thời điểm theo sự thống nhất của hai bên. Bên A có toàn quyền trong việc thay đổi / bổ sung số Trang Trại theo danh sách "Trang Trại xử lý chất thải" được hai bên xác nhận.
Địa điểm xử lý chất thải: Nhà máy bên B đặt tại ấp Xa Lách, xã Tân Quan, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

2.2. Số lượng chất thải:

Được tính theo số lượng thực tế mà bên A giao cho bên B thông qua biên bản giao nhận hoặc phiếu xuất kho hoặc chứng từ chất thải có xác nhận của đại diện các bên.

2.3. Đơn giá xử lý chất thải: 7 triệu đồng/01 trại /01 năm

- Đơn giá được áp dụng đối với khối lượng chất thải phát sinh 01 năm không vượt quá **2.000Kg**, nếu vượt quá **2.000Kg/năm**, thì phần vượt được tính thêm **7.000 VNĐ/1 kg**
- Đơn giá trên **đã** bao gồm chi phí thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý **chưa** bao gồm thuế VAT. Thảo Dương Xanh không hoàn trả bao bì chứa chất thải.

ĐIỀU 3: HÌNH THỨC VÀ THỜI HẠN THANH TOÁN

3.1. Điều kiện thanh toán: Khi bên B xuất hóa đơn tài chính cho bên A.

3.2. Hình thức thanh toán: chuyển khoản bằng tiền đồng Việt Nam (VNĐ).

3.3. Thời hạn thanh toán: Bên A thanh toán cho bên B 100% giá trị hoá đơn trong vòng 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hóa đơn tài chính của bên B.

Bên B sẽ ủy quyền cho bên thứ 3 sau đây thực hiện việc thanh toán bên A. Bên thứ 3 thanh toán: Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P. Việt Nam (C.P. Vietnam Corporation).

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

a) Trách nhiệm bên A:

Toàn bộ chất thải bên A phải có trách nhiệm phân loại thành từng loại riêng biệt theo đúng quy định của pháp luật về môi trường hiện hành. Các loại chất thải sau khi phân loại phải chứa trong các thùng chứa riêng biệt có dán nhãn chất thải và lưu giữ tại một khu vực cố định trước khi bàn giao cho bên B.

Thực hiện kiểm tra, xác nhận và chuyển giao lại chứng từ chất thải cho bên B.

Thông báo bên B thu gom chất thải khi nhận thấy chất thải sắp tồn đọng tại kho lưu của bên A.

b) Trách nhiệm bên B:

Cử người đại diện liên hệ với bên A chịu trách nhiệm trong việc thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý dưới hình thức tận thu/tái chế hoặc thiêu hủy chất thải tại nhà máy của bên B theo quy định hiện hành về quản lý chất thải của Nhà nước Việt Nam.

Cung cấp phương tiện vận chuyển chất thải ra khỏi Công ty của bên A. Trang bị đầy đủ các thiết bị, dụng cụ nhằm đảm bảo an toàn cần thiết khi đến thu gom chất thải.

Bên B có trách nhiệm thực hiện thu gom chất thải theo yêu cầu của bên A để tránh tình trạng tồn đọng kho bãi.

Phương tiện vận chuyển và công nhân của bên B khi ra vào Công ty của bên A phải chịu sự kiểm tra, giám sát của bên A và thực hiện đúng nội quy của bên A.

Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu chất thải rò rỉ ra môi trường sau khi chất thải đã được vận chuyển ra khỏi Công ty của bên A. Bên B phải tuân thủ triệt để các quy định về đăng ký cấp phép hành nghề, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo quy định của pháp luật.

Không nhận chất thải ngoài danh mục thể hiện tại bảng giá (phụ lục đính kèm), cũng như chất thải có tính chất khác biệt so với danh mục trong báo giá.

Thực hiện kiểm tra, xác nhận và chuyển giao lại chứng từ chất thải cho bên A.

ĐIỀU 5: BẢO MẬT THÔNG TIN

5.1 Tất cả các thông tin, bí quyết kỹ thuật và bất cứ tài liệu kỹ thuật bảo mật nào khác xuất phát từ bản hợp đồng này sẽ là tài sản của mỗi bên và trong bất kỳ hoàn cảnh nào cũng không được phép tiết lộ cho bên thứ ba nếu không có sự chấp thuận bằng văn bản của bên sở hữu còn lại.

5.2 Trách nhiệm giữ bí mật của cả hai bên tại khoản 5.1 nêu trên không áp dụng đối với các thông tin trình báo cáo, công ty mẹ của mỗi bên, các cổ đông hoặc các công ty con, chi nhánh, công ty kiểm toán hoặc cơ quan khác có liên quan theo yêu cầu của pháp luật.

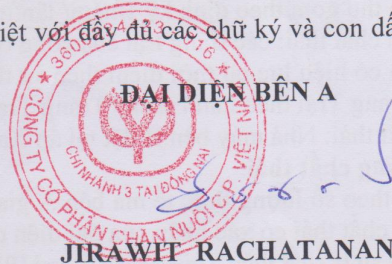
ĐIỀU 6: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Các bên cam kết thực hiện nghiêm túc thỏa thuận tại Hợp đồng này. Mọi tranh chấp phát sinh các bên cùng giải quyết bằng thương lượng trên cơ sở tôn trọng quyền lợi của nhau, trường hợp không thể thương lượng được thì một trong các bên có quyền khởi kiện tại Tòa án nhân dân cấp có thẩm quyền để giải quyết theo luật định.

Mọi thay đổi phát sinh trong thời gian thực hiện Hợp đồng này mà chưa được các bên thỏa thuận thì phải lập thành văn bản dưới hình thức "*Phụ lục hợp đồng*". *Phụ lục hợp đồng* phải được xác nhận, ký tên và đóng dấu hợp pháp, *Phụ lục hợp đồng* là phần không thể tách rời đối với Hợp đồng này.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và chấm dứt khi hết thời hạn hợp đồng hoặc theo quy định của pháp luật.

Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản tiếng Việt với đầy đủ các chữ ký và con dấu của các bên. Mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau.

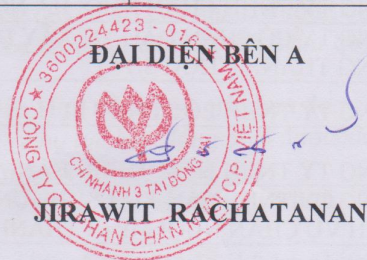


TRANG TRẠI XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI
ĐƠN VỊ: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THẢO DƯƠNG XANH

STT	TÊN TRẠI	ĐƠN VỊ HỢP TÁC	ĐỊA CHỈ
1	Trảng Bàng 1	HỘ KINH DOANH CHĂN NUÔI HEO THANH BÌNH	Xã Đôn Thuận - Huyện Trảng Bàng - Tây Ninh
2	Bình Dương	CÔNG TY TNHH VIỆT ÂU	Ấp 1B - Xã Chánh Phú Hòa - Huyện Bến Cát - Bình Dương
3	Bình Long	CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI ĐẠI PHÚ	Ấp 1 - Xã Tân Khai - Huyện Hớn Quản - Bình Phước
4	PHÚ GIÁO 2	PHẠM THỊ XUÂN HƯƠNG	Ấp 6 - Xã An Linh - Huyện Phú Giáo - Bình Dương
5	Lai Uyên 1	ĐẶNG THANH TRIỀU	Ấp 2, Xã Trừ Văn Thố - Huyện Bàu Bàng - Bình Dương
6	Tân Uyên	NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ	Điểm 9 đường hàng dài, Xã Hiếu Liêm, H. Bắc Tân Uyên, T. Bình Dương.
7	Long Tân	NGUYỄN THỊ THU HẰNG	Xã Long Tân - Huyện Dầu Tiếng - Bình Dương
8	Lai Uyên 2	ĐẶNG THANH TRIỀU	Ấp 2, Xã Trừ Văn Thố - Huyện Bàu Bàng - Bình Dương
9	Phú Giáo 7	PHẠM NHẤT HUY	Xã Vĩnh Hoà - Huyện Phú Giáo - Bình Dương
10	Vĩnh Tân 3	LÊ THỊ KIM PHƯỢNG	Ấp 3, xã Vĩnh Tân, H. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương
11	Lộc Ninh 1	CÔNG TY TNHH LỘC PHÁT II	Xã lộc An - Huyện Lộc Ninh - tỉnh Bình Phước
12	Đồng Phú	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÚ VINH	Xã Thuận Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước
13	Tân Lập	CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI BÌNH PHƯỚC	Xã Tân Lập - Huyện Đồng Phú - Tỉnh Bình Phước
14	Tân Lập 2	CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI BÌNH PHƯỚC	Xã Tân Lập - Huyện Đồng Phú - Tỉnh Bình Phước
15	Tân Lập 3	CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI BÌNH PHƯỚC	Xã Tân Lập - Huyện Đồng Phú - Tỉnh Bình Phước
16	Tân Lập 4	CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI BÌNH PHƯỚC	Xã Tân Lập - Huyện Đồng Phú - Tỉnh Bình Phước
17	Thanh An	CÔNG TY TNHH HÀ THÁI DƯƠNG	Ấp Địa Hạt, Xã Thanh An, Huyện Hớn Quản, Tỉnh Bình Phước
18	Lộc Ninh 5	CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI HUY ANH	Xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.
19	Lộc Ninh 6	CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI TAM HIỆP	Ấp Bù Núi, Xã Lộc Tấn, Huyện Lộc Ninh, Tỉnh Bình Phước.
20	Lộc Ninh 8	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TÂN BÁCH MINH	Ấp 3, Xã Lộc Hưng, Huyện Lộc Ninh, Tỉnh Bình Phước
21	Lộc Ninh 7	CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI GIANG NAM	Hiệp Hoàn A, Xã Lộc Hiệp, Huyện Lộc Ninh, Tỉnh Bình Phước.
22	Lộc Ninh 9	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CHĂN NUÔI CƯỜNG THỊNH	Ấp Vườn Bưởi, Xã Lộc Thiện, Huyện Lộc Ninh, Tỉnh Bình Phước.
23	Lộc Ninh 10	CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI HÀ NGUYỄN	ấp Cắn Lê, xã Lộc Khánh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.
24	Lộc Ninh 11	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐỒNG THÀNH (TRẠI SỐ 1)	Xã Lộc Thịnh, Huyện Lộc Ninh, Tỉnh Bình Phước
25	Lộc Phát 3	CÔNG TY TNHH LỘC PHÁT III	Xã Lộc Thạnh, Huyện Lộc Ninh, Tỉnh Bình Phước
26	Minh Tâm	CÔNG TY TNHH NAM THIÊN BẢN	Ấp 1, Xã Minh Tâm, Huyện Hớn Quản, Tỉnh Bình Phước.
27	Thanh Tây	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CHĂN NUÔI MINH THÀNH	Xã Thanh Tây, Huyện Tân Biên, Tỉnh Tây Ninh.
28	Lộc Hưng	CÔNG TY TNHH PHÁT HUNG LỘC	ấp 9, Xã Lộc Hưng, Huyện Lộc Ninh, Tỉnh Bình Phước
29	Lộc Thiện 1	CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI AN THỊNH PHÁT	Ấp Vườn Bưởi, Xã Lộc Thiện, Huyện Lộc Ninh, Tỉnh Bình Phước..
30	Thuận Phú	CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ CHĂN NUÔI THUẬN PHÚ	xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.
31	Lộc Thiện 2	CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI LỘC THIỆN PHÁT	Ấp Vườn Bưởi, Xã Lộc Thiện, Huyện Lộc Ninh, Tỉnh Bình Phước.
32	Lộc Khánh	CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI BẮC NAM (TRẠI SỐ 1)	ấp Chà Đồn, xã Lộc Khánh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.



33	Lộc Tấn 2	CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI LỘC TẤN (TRẠI SỐ 1)	Tiểu khu 102, Ban QLRPH Lộc Ninh, xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh, Tỉnh Bình Phước.
34	Lộc Tấn 3	CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI YẾN HỒNG	Áp Bù Núi B, Xã Lộc Tấn, Huyện Lộc Ninh, Tỉnh Bình Phước.
35	LỘC AN	CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI LỘC AN	Xã Lộc An, Huyện Lộc Ninh, Tỉnh Bình Phước.
36	LỘC TẤN 4	CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI LỘC TẤN PHÁT	xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.
37	LỘC TẤN 5	CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI TÂN TIẾN	Áp Bù Núi, Xã Lộc Tấn, H. Lộc Ninh, Tỉnh Bình Phước.
38	LỘC THỊNH 2	CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐỒNG THÀNH (TRẠI SỐ 2)	Áp Tà Thiết, Xã Lộc Thịnh, Huyện Lộc Ninh, Tỉnh Bình Phước
39	TÂN HƯNG 1	CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI TÂN HÒA	Áp Sóc Quả, Xã Tân Hưng, Huyện Hớn Quản, Tỉnh Bình Phước.
40	TÂN HƯNG 2	CÔNG TY TNHH MTV CHĂN NUÔI ANH KHOA	Áp Sóc Ruộng, Xã Tân Hưng, Huyện Hớn Quản, Tỉnh Bình Phước.
41	LỘC TẤN 7	CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI LỘC TẤN (TRẠI SỐ 2)	Tiểu khu 102, Ban QLRPH Lộc Ninh, xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh, Tỉnh Bình Phước.
42	LỘC THIỆN 4	CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI PHÚ MẠNH	Xã Lộc Thiện, Huyện Lộc Ninh, Tỉnh Bình Phước.
43	PHƯỚC THIỆN 2	CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI LÊ PHÁT.	Áp Tân Lập, xã Phước Thiện, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước
44	THUẬN PHÚ 2	CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ CHĂN NUÔI THUẬN LỢI	Áp Đồng Búa, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
45	LỘC THỊNH 1	CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI BẮC NAM (TRẠI SỐ 2)	Xã Lộc Thịnh, Huyện Lộc Ninh, Tỉnh Bình Phước.
46	PHƯỚC THIỆN 7	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CHĂN NUÔI LỘC BÌNH	Áp Tân Lập , xã Phước Thiện, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước.
47	Trảng Bàng 2	HỘ KINH DOANH CHĂN NUÔI HEO THANH BÌNH	Xã Đôn Thuận - Huyện Trảng Bàng - Tây Ninh
48	Long Hoà	CÔNG TY TNHH TRƯỜNG PHÁT	Xã Long Hòa - Huyện Dầu Tiếng - Bình Dương
49	Phú Giáo 3	CHUNG KIM HÓN	Xã Phước, H. Phú Giáo, Bình Dương
50	Phú Giáo 6	CTY TNHH VIỆT ÂU	Xã Tam Lập - Huyện Phú Giáo - Tỉnh Bình Dương
51	Lộc Ninh 2.	CÔNG TY TNHH LỘC PHÁT II	Xã lộc An - Huyện Lộc Ninh - tỉnh Bình Phước
52	Đồng Phú 2	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÚ VINH	áp Tân Phú, Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước.
53	Phước Minh	CÔNG TY TNHH AN PHÚ KHÁNH BÌNH PHƯỚC	Xã Phước Minh, Huyện Bù Gia Mập, Tỉnh Bình Phước
54	Lộc Ninh 4	CÔNG TY TNHH AN PHÚ KHÁNH BÌNH PHƯỚC	Áp Tà Thiết, Xã Lộc Thịnh, H. Lộc Ninh, Tỉnh Bình Phước
55	Ninh Điền	CÔNG TY TNHH SX THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MINH PHÚ TÂY NINH	Áp Trà Sim, Xã Ninh Điền, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh.
56	Phú Giáo 8	HỢP TÁC XÃ MINH TRÍ	Áp Gia Biện – Xã Tam Lập – Huyện Phú Giáo – Tỉnh Bình Dương
57	Lộc Ninh 3	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI THANH TRANG	Áp Tà Thiết, Xã Lộc Thịnh, Huyện Lộc Ninh, Tỉnh Bình Phước



Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ

Số: 02-05/PLHDDVVSM-T-2022

Số hợp đồng CP: 2210750462808V

Hôm nay ngày 01 tháng 06 năm 2022, chúng tôi gồm có:

I. BÊN A:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI C.P. VIỆT NAM			
Địa chỉ	:	Khu công nghiệp Biên Hòa II- Phường Long Bình Tân - Tp. Biên Hòa - Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.	
Điện thoại	:	02513 - 836251, 836258.	Fax: 02513 - 836389, 836348
Mã số thuế	:	3600224423	
Dại diện	:	JIRAWIT RACHATANAN.	
		Chức vụ:	Phó tổng giám đốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI C.P. VIỆT NAM - CHI NHÁNH 3 TẠI ĐỒNG NAI			
Địa chỉ	:	Khu công nghiệp Biên Hòa II- Phường Long Bình Tân - Tp. Biên Hòa - Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.	
Điện thoại	:	02513 - 836251, 836258.	Fax: 02513 - 836389, 836348
Mã số thuế	:	3600224423-016	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI C.P. VIỆT NAM - CHI NHÁNH TẠI BÌNH PHƯỚC			
Địa chỉ	:	N12 số lô 7-8 đường Tôn Đức Thắng, Khu Phố 2, Phường Tiến Thành, TP. Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	
Mã số thuế	:	3600224423-032	

II. BÊN B :

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THẢO DƯƠNG XANH			
Địa chỉ công ty	:	Ấp Xa Lách, xã Tân Quan, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước	
Mã số thuế	:	3800769008	
Dại diện	:	LÊ THIÊN ĐỨC	
		Chức vụ:	Giám đốc

☒ **Legal Check**
Date :
No :

Hai Bên đồng ý ký kết Phụ Lục Hợp Đồng này để điều chỉnh Hợp đồng xử lý chất thải nguy hại số 46/2020/HDXL-TDX ký ngày 01/06/2020 giữa hai bên, cùng các phụ lục liên quan nếu có (tại Phụ Lục Hợp Đồng này gọi chung là “Hợp Đồng”) với nội dung như sau:



Điều 1: NỘI DUNG

1. Hai bên đồng ý gia hạn thời hạn hiệu lực của Hợp Đồng cụ thể từ ngày 01.06.2022 đến hết ngày 31.05.2023
2. Các nội dung của Hợp Đồng không được điều chỉnh tại Phụ Lục Hợp Đồng này được giữ nguyên không thay đổi.

Điều 2: QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phụ Lục Hợp Đồng này là một phần không thể tách rời của Hợp Đồng.
2. Phụ Lục Hợp Đồng này được lập thành 2 bản, mỗi bên giữ 1 bản, có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A



JIRAWIT RACHATANAN

ĐẠI DIỆN BÊN B



LÊ THIÊN ĐỨC

